

SỐ 1720

PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

(NÓI VỀ NGHĨA SÂU KÍN CỦA KINH)

Cát Tạng đời Hồ soạn

QUYỂN 1

Huyền nghĩa nghĩa sâu kín có sáu lớp:

- 1) Phương pháp mở rộng ý kinh.
- 2) Đại ý.
- 3) Giải thích danh từ.
- 4) Lập tông.
- 5) Giải thích nghi ngờ.
- 6) Giải thích nghĩa theo văn.

I. Nói về phương pháp mở rộng ý kinh: có bảy ý

Đầu tiên giải thích nghĩa Pháp sư: Luận chép: phẩm Pháp sư nói sau khi ta diệt độ người muốn nói kinh này phải an trụ ba việc: là vào nhà Như lai, mặc y Như lai, ngồi tòa Như lai. Nhà Như Lai là tâm từ bi, y Như lai là tâm nhu hoà nhẫn nhục, tòa Như lai là các pháp Không. Từ bi là nhà Như lai dụ cho công năng che chở, nhu hòa là y Như lai dụ cho công dụng ngăn che dụ, lý Không có thể dùng an tâm gọi là tòa, nhưng ba môn này là theo thứ lớp, đại bi là nhỏ gốc khổ, đại từ là ban vui. Bởi vì bản ý là mở rộng đạo giác ngộ, muốn nói pháp mẫu nhiệm thì trước phải kiến lập tâm mình, vì vậy cho nên thứ nhất là nói vào nhà Như lai. Đã đối với đời ác muốn mở rộng đạo tốt đẹp thì phải chịu đựng nhiều trở ngại, cho nên thứ hai là nói mặc y Như lai. Tuy bên ngoài có từ bi che chở bên trong nhu hoà nhẫn nhục an mà nếu không có quán Không rỗng không, nói hai hạnh không thành, do đâu mà chúng sinh ngộ được,

vì vậy cho nên thứ ba là nói ngôi tòa Như lai. Trong đủ hạnh này ngoài siêng năng nói pháp thì đạo pháp hưng thịnh, lợi ích cho mọi người, cho nên khiến an trụ vào ba việc để mở rộng ý kinh Pháp Hoa.

Kế là tóm lược ba môn này thành hai nghĩa: Từ nhĩn là phước đức, quán Không là trí tuệ, phước tuệ bao gồm tu tập, mở rộng được đạo lớn gọi là Phước tuệ Pháp sư. Do đó kinh dạy đủ hai thứ trang nghiêm có khả năng hỏi đáp. Nói Pháp sư đầy đủ hỏi đáp là người mở rộng đạo thì phải giảng kinh nói luận, trong kinh luận có hỏi đáp, khéo trình bày việc khó làm của Bồ-tát là năng hỏi đáp, khéo nói lên sự thông suốt về Như lai là năng đáp, khéo trình bày sự vận hỏi của người ngoài là năng hỏi, khéo nói lên sự thông suốt về luận chủ là năng đáp, phú đẹp chín mươi sáu thứ ngoại đạo là năng hỏi, khéo nói lên chánh pháp của Chư Phật Như lai là năng đáp. Lại phá bỏ Ba thừa dị chấp của Ba thừa là năng hỏi, khéo nói lên pháp Nhất thừa đồng qui là năng đáp. Năng hỏi, năng đáp Phật giáo được truyền bá gọi là Đại Pháp sư. Lại Từ nhĩn là hạnh, trí tuệ Không là giải, đầy đủ giải hạnh nói pháp lợi người gọi là Giải hạnh Pháp sư. Tự có hạnh mà không có giải, có giải mà không có hạnh, không giải không hạnh, có giải có hạnh, ba câu là đệ tử một câu sau mới là Pháp sư. Lại kinh cho là Bồ-tát, dứt cả già bệnh chết, như thắng được kẻ thù mới có thể gọi là dũng, đầy đủ Từ nhĩn mới có thể lợi tha, tâm tu quán Không gọi là tự hành, đều dụng đức cứu giúp gọi là hùng dũng Pháp sư. Lại do Từ nhĩn nên không chấp Niết-bàn, do quán Không nên không đắm sinh tử, do không bị ô nhiễm nên gọi là vô trước Pháp sư. Lại do Từ nhĩn nên siêu vượt địa vị Nhị thừa, nhờ quán Không nên siêu vượt cảnh phàm phu, chẳng phải hạnh phàm phu, chẳng phải hạnh Hiền Thánh gọi là Đạo hạnh Pháp sư.

Lại kinh dạy: Bồ-tát trụ trong hai đế vì chúng sinh nên nói pháp, vì người chấp có nên nói không, vì người chấp không nên nói có, do từ bi nên an trụ trong thế đế, đầy đủ quán Không nên an trụ trong bậc nhất nghĩa đế, nương hai đế nói pháp nên nói bất hư nghĩa là Thành đế Pháp sư. Lại như luận chép: Hiểu rõ bốn Tất-đàn, khéo biết ý Phật, không trái với mười hai bộ kinh, tán muôn pháp tạng, do từ nhĩn nên nương ba Tất-đàn, đầy đủ quán Không nên biết bậc nhất nghĩa, nhập vào Phật pháp, không chấp trước không trái nhau gọi là Vô tránh Pháp sư. Lại tức văn kinh này lại thấy Phật tử định tuệ đầy đủ, dùng vô lượng dụ giảng pháp cho đại chúng nghe, do từ nhĩn nên gọi là Thiên định, đầy đủ quán Không nên gọi là Trí tuệ. Định tuệ tròn đầy gọi là Cụ túc Pháp sư. Lại như kinh nói an trụ hai pháp thì ma không thể phá hoại, biết các pháp

không cho đến không bỏ chúng sinh gọi là Nan hoại Pháp sư. Lại như luận chép: do quán Không nên gọi là Bồ-tát, đủ đại bi nên gọi là Đại, nghĩa là Đại Pháp Bồ-tát sư. Do có các lợi ích như thế nên an trụ trong ba hạnh mà mở rộng ý kinh Pháp Hoa.

Kế là hai môn này viên thành một ý chỉ, tuy thực hành Từ nhẫn mà thường rớt ráo Không, tuy rớt ráo Không mà thường thực hành Từ nhẫn, Từ nhẫn chẳng chướng ngại tốt ráo Không, rớt ráo Không chẳng chướng ngại Từ nhẫn. Từ nhẫn chính là rớt ráo không, rớt ráo không chính là từ nhẫn Cho nên, Địa kinh chép: Tu hành cả Bi và Tuệ chính là việc đó, quán này thành tựu, không và hữu vô ngại, Không và hữu vô ngại, gọi là vô ngại quán. Đắc vô ngại quán có vô ngại thông và vô ngại biện, do quán vô ngại nên tâm vô ngại, đắc vô ngại thông nên thân vô ngại, đắc vô ngại biện nên khẩu vô ngại. Do ba nghiệp vô ngại nên được sáu căn thanh tịnh, đầy đủ sáu ngàn công đức, gọi là Căn tịnh Pháp sư. Nếu chỉ tu mười điều thiện thì làm sao có dụng này cho được, cho nên dùng ba việc tu tâm, sáu căn vô ngại.

Kế đến diệt một câu để trở về vô câu, Từ nhẫn là không hữu, quán Không là hữu không, không hữu cho nên bất hữu, hữu không cho nên bất không, chẳng không chẳng có gọi là Trung đạo, do đó luận nói xa lìa hai bên gọi là Trung đạo là Trung đạo Pháp sư. Lại trước nói hai câu là hai đế quán, sau nói vô câu gọi là Trung đạo quán. Tuy hai đế mà thường Trung đạo, tuy Trung đạo mà thường hai đế. hai đế chẳng ngại Trung đạo, Trung đạo chẳng ngại hai đế, vì vậy cho nên luận chép pháp do nhân duyên sinh ta nói là Không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi là Trung đạo, chính là việc ấy. Ba quán này gọi là chư Tam-muội vương, bên trong đủ ba quán, bên ngoài nói pháp gọi là nói pháp trung vương, nghĩa là Chư vương Pháp sư. Lại hai đế là nhị, Trung đạo là không hai. Kinh nói không chấp pháp không hai vì không có nhất nhị: Gom lại như vậy thì không giữ lại mảy may, giã ra thì đầy khắp pháp giới, tuy bung ra mà chẳng có, tuy gom lại mà chẳng không, trông lên ở trước thì quên ở sau, ngưỡng vọng càng cao buộc càng thêm chặt, hoặc huyền hoặc hóa như hốt như hoảng, muốn thấy ý này thì nên tìm trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm chép: Vô lượng kiếp là một niệm, một niệm là vô lượng kiếp, không đến không chứa nhóm mà hiện sự việc trong các kiếp, tất cả lập bày đều là loại này: gọi là Vô ngại Pháp sư.

Hỏi: vì sao chỉ nêu ba ví dụ để khuyên mở rộng ý kinh?

Đáp: Người nói pháp phải có ba việc:

1. Vào giảng đường.

2. Mặc pháp phục.

3. Lên tòa cao.

Ngoại hình đã vậy nội tâm cũng vậy. Nếu không có từ bi thì không vào giảng đường, không tu nhu hoà nhẫn nhục, thì không mặc pháp phục, tâm nếu chấp có thì không lên tòa cao, nếu thiếu ba đức này thì làm sao mở rộng ý kinh được.

Hỏi: Vì sao ba việc này đều gọi là Như lai?

Đáp: vì vào nhà chỉ có che chở được mình, còn nhà Phật thì muốn che chở khắp người khác, thế nên từ bi gọi là nhà Như lai. Đã muốn hóa độ khắp chúng sinh thì phải chịu đựng tất cả sự ô nhục, dùng đây trang nghiêm mình thì không có điều xấu nào không được che lấp, vì vậy hoà nhẫn gọi là y Như lai. Lý Không thông suốt thì dẫn dắt các cõi, ngồi đây mà mở rộng thì chẳng duyên nào không trùm khắp, cho nên dùng giải Không này làm tòa Như lai.

Kế là y cứ phẩm An lạc hạnh nói về phương pháp mở rộng ý kinh. Kinh dạy: Đại Bồ-tát an trụ bốn pháp, thì có khả năng nói kinh Pháp Hoa cho người đời sau nghe, bốn hạnh khác nhau sau sẽ nói rộng:

1. Hành trí tuệ.
2. Hạnh ly kiêu mạn.
3. Hạnh vô ganh ghét.
4. Hạnh từ bi.

An trụ bốn hạnh này thì thân tâm vui sướng nên gọi là hạnh an vui. Hạnh trí tuệ: là đầy đủ hai tuệ, quán tất cả pháp không như thật tướng, cũng không hành, không phân biệt gọi là tuệ thật. Mà biết các pháp từ nhân duyên sinh gọi là Phương Tiện tuệ. Hai Tuệ này là sự diệu ngộ của Bồ-tát là phương pháp rõ ràng làm lợi ích cho trời, người. Muốn tự thực hành, hóa tha thì phải chánh giải cho nên trước nói hai tuệ, tuy có trí tuệ sợ ỷ lại vào kiến giải, lấn hiếp chúng sinh, khen mình chê người nên phải xa lìa. Vì vậy, thứ hai là nói hành không kiêu mạn. Tuy không đề cao mình lấn hiếp người mà còn sợ ganh ghét người hơn mình đó chính là họa lớn của sự mở rộng ý kinh làm tổn thương bản hoài của Đại sĩ, vì vậy nên thứ ba là nói về hạnh lìa ganh ghét. Ban đầu có đủ hai tuệ là nói về giải, kế là không có hai lỗi là hạnh đề cao, hạnh giải trong thành tựu nên từ bi gia bị bên ngoài. Vì vậy thứ tư là nói về hạnh từ bi. Đủ bốn hạnh này thì đức đều lập vững, sự hóa độ đều hưng thịnh, muốn mở mang đại đạo thì phải tu tập đầy đủ.

Hỏi: Trước nói ba đức sau nói bốn hạnh, đời mạt pháp chúng sinh độn căn làm sao có thể tu tập?

Đáp: Từ lúc mới phát tâm thì phải học dần dần, nếu trái hạnh này thì chẳng phải Pháp sư.

Kế là nói nghĩa lỗi lầm: Hỏi: nói pháp có sở đắc thì có lỗi gì?

Đáp: Kinh này nói pháp ấy không thể chỉ bày tướng ngôn từ vắng lặng, nếu có pháp để nói thì chính là nói phi pháp chẳng phải nói pháp, cũng là pháp không thể nghe, nếu có điều được nghe chính là nghe phi pháp chẳng phải nghe pháp.

Hỏi: Pháp không thể nói vì sao khuyên nói pháp Pháp Hoa?

Đáp: Pháp không thể nói mà nói đối với pháp không thể nói chính là vì không có danh tướng, trong đó mượn danh tướng mà nói, muốn nhân mượn nói để ngộ pháp không thể nói ! Cho nên kinh Tịnh danh nói: “Người nói pháp kia không nói, không chỉ bày, người nghe pháp kia không nghe, không đắc, phải kiến lập tâm này trước rồi sau mới nói pháp.”

Luận Chánh Quán nói: “Lìa Không muốn hỏi, thì hỏi không thành hỏi, lìa Không muốn đáp, thì đáp không thành đáp, có điều gì hỏi đáp thì phải nương Không, hướng chỉ cầu lìa tướng khổ vắng lặng: Luận nói nương Không tức là kinh này, là Pháp không thể chỉ bày, đây là kinh luận nói về phép tắc có thể nương. Lại trong kinh Phật tạng nói rộng về lỗi kia, nay lược nêu một văn dùng làm gương soi. Kia nói: Nếu dùng đao luân hại chúng sinh cõi Diêm phù đề lỗi ấy còn nhỏ, nếu tự cho mình có sở đắc nói kinh Đại thừa thì tội ấy rất lớn.

Hỏi: Người có sở đắc nói pháp gì mà có tội này?

Đáp: giết người ở cõi Diêm-phù-đề có hai nghĩa: là chỉ giết nhục thân. Và sự hại còn ít. Nếu có sở đắc mà nói pháp: Thì hại pháp thân Chư Phật. Và hủy khắp chánh giáo. Vì vậy mà nhục thân sinh tử dùng ái trước làm gốc. Pháp thân Chư Phật từ vô trụ mà sinh nên sát sinh tội nhẹ, tự cho mình có sở đắc là tội nặng.

Hỏi: Kinh Phật Tạng nói là lời một phương diện đâu được dùng khắp?

Đáp: Chẳng phải ý một kinh mà các giáo đều như vậy. Như kinh Niết-bàn nói: người có sở đắc là quyến thuộc của ma.

Nói về ma: Muốn diệt Phật pháp, có sở đắc nói Phật pháp nên gọi là ma. Lại kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: “Sau khi ta diệt độ các Tỳ-kheo tội ác v.v... nghĩa như văn nói quyết định chấp phá diệt pháp của ta người ấy gọi là kẻ thù của Chư Phật ba đời.” Lại luận Niết-bàn Biện Tránh chép: Nếu người trong tâm sinh nghi còn phá hoại được vô lượng phiền não, nếu quyết định hiểu gọi là chấp trước. Vì chấp trước

như vậy nên cắt đứt gốc lành, người mở rộng Phật pháp nên dùng tâm rộng rang kia, để soi chiếu chân thật.

Nói về nghĩa mở rộng ý kinh khó: Hỏi: Hiện thấy người thọ trì, đọc tụng, giảng nói viết chép đầy khắp thế gian là sao? Phẩm Hiện Tháp báu nói: Nếu có người tay cầm hư không mà dạo chơi khắp nơi cũng không đáng gọi là khó,” chỉ tạm thời đọc kinh này mới gọi là khó phải không?

Đáp: Kinh này là đầu tiên bỏ ba, lúc mới về một, người nước ngoài phần nhiều tu học theo Tiểu thừa chấp Tiểu thừa đã thành, khó có thể thay đổi cho nên người có thể tin rất khó.

Hỏi: Vì sao biết người nước ngoài phần nhiều tu học Tiểu thừa?

Đáp: Luận giải thích rằng: “Sau khi Phật diệt độ có năm trăm bộ (phái) nghe nói pháp Đại thừa rất ráo Không như dao đâm vào tim.” Cho nên, biết rằng họ đều tu học theo Tiểu thừa. Lại truyện ngài Long Thọ nói: “Đọc Tiểu thừa rồi, khắp tìm Đại thừa, không được gặp Sa-môn, dưới sườn núi mới được nghe.” Lại Luận chủ trách rằng: các đệ tử của Ca-chiên-diên không học tụng kinh Đại thừa nghe pháp Đại thừa tâm không tin nhận, lại như Đam-vô-sấm ba lần đến nước ngoài tìm kinh Niết-bàn còn không được đầy đủ, lại Chu Sĩ Hành muốn đem Đại Phẩm đến đất Hán, những người tu học Tiểu thừa đều không bằng lòng nghe theo, tuy nhiên về sau xin đốt kinh lập thế mới được đến. Lại như Dự nghị luận Duệ Pháp sư nói: của ba mươi sáu nước ở Thiên-trục đều học Tiểu thừa không tin Phương Đẳng, cho nên biết phần nhiều học Tiểu thừa, ít người tin Đại thừa.

Hỏi: người Thiên-trục phần nhiều tu học theo Tiểu thừa còn người nước Trung quốc đều tin Phương Đẳng (Đại thừa), vì sao có lời hỏi ấy! Đáp:

Đại Phẩm nói Bát-nhã này từ phương Nam chuyển đến phương

Bắc, trong đó bốn chúng đang thực hành. Ngài Tăng Triệu nói đó là vận số của phương Bắc; Chấn Đán (Trung quốc) tức ở phía Bắc Thiên trục. Chỉ là thế giới xa rộng một phương chưa có lòng tin gọi là nhiều. Lại suy nghĩ cho cùng mà nói: suốt ngày giảng nói trọn ngày chẳng tin, làm sao biết! Linh phần từ đất vọt hiện, phân thân đầy khắp, chia làm hai thân, mà người giảng chỉ nói người chứng Pháp Hoa, không biết

khai tích hiển bản, làm sao tin được? Lại phân thân rõ ràng kia không thật, tuổi thọ nhất định chẳng thể tính số, A-dật-đa không thấy lúc mới của kia, Bồ xứ chẳng phải gần kế cuối cùng kia mà còn cho rằng vô thường, liền đồng hàng tro tận. Đáng gọi là cùng tử trở lại chạy vào nhà. Một mình già yếu nhắm mắt đối với đạo tối thượng thì ai chịu tin ư!

Lại phẩm Pháp sư chép: Khiến lên ghé vắng lặng nói giáo vô ngôn, tuy là phá ba tâm không nhiễm một, mà ngăn lời uống phí, theo danh mà có tướng, tuy xả ba tâm mà lại dính mắc một làm sao tin được?

Hỏi: Tâm vô sở đắc chính là nghĩa thiên không, kinh Đại thừa quở trách rằng các thầy chớ cho rằng Như lai chỉ tu bản tánh vắng lặng của các pháp. Cho nên, biết không ấy là không. Bởi người Nhị thừa thấy. Lại Đại Phẩm, Tam luận có thể nói về không, Pháp Hoa bỏ quyền bày thật Niết-bàn nói Phật tánh thường trụ làm sao hiểu được không, e rằng nông dân dùng sữa chữa ngộ!

Đáp: Pháp Hoa đủ bỏ ba khuôn phép lấy Không làm tòa cao, nói rộng bốn phép tắc lấy Không làm an vui, con không tin ngay nơi sự mà kiểm nghiệm. Lại Đại kinh nói Phật tánh là không bậc nhất nghĩa, Phật tánh là căn bản của Chư Phật ba đời, lại nói thành Ca-tỳ-la Không, Đại bát Niết-bàn không, đại Niết-bàn là cực quả của Chư Phật.

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Như lai hiểu rõ các pháp như huyễn, như hư không, Bồ-tát như vắng trắng mát mẻ đạo chơi nơi rốt ráo Không, đây là nói sở ngộ của Phật, Bồ-tát đều không. Lại nói tâm đạo khắp pháp giới như hư không, người ấy biết chỗ thực Hành của Phật, đây là nói do liễu không nên nhập cảnh giới Phật, đây là nói theo nghĩa so sánh của Phương Đẳng đạt đến sự giác ngộ mâu nhiệm của con người.

Con không thọ, cho nên biết người tin sâu rất ít, nay người nói không mà chẳng thấy không, và bất không, năm câu như vậy đều vô sở đắc không biết gọi như thế nào, nên gượng gọi là không? Đại kinh quở trách là quở trách Nhị thừa đoạn kiến. Thích luận bác bỏ ngoại đạo tà không, có thể nói màu của sữa tuy đồng nhưng ngon hay độc có khác, con chưa phân biệt, không nên lẫn lộn nhau. Lại ở đây nói về nghĩa vô sở đắc: Nếu có cái không để được thì ấy là có sở đắc, vì sao gọi là vô đắc cho đến có vô đắc để đắc vẫn là hữu đắc, sao gọi vô đắc? Lại ở đây cho rằng vô sở đắc cho nên không chỗ nào là không đắc. Bất động đẳng giác kiến lập các pháp, nói đây là không. Nếu dùng sự giải thích không của phàm phu cùng với có, cũng có cũng không, phi có phi không đều là lý luận, không nên dùng đây; để giảng kinh nghĩa Nhất thừa của Phật sau sẽ nói rộng. Lại Đức Phật nói giáo khiến tâm đồng giáo không khiến giáo đồng tâm, tâm dùng có tướng làm căn, giáo dùng vô đắc làm chủ. Nếu tâm đồng giáo giáo đã vô đắc tức tâm vô sở đắc mới gọi là nói giáo. Nếu giáo đồng tâm, tâm đã có tướng tức là giáo thành trụ trước, chỉ là mê tâm điên đảo, không thể mở rộng giáo pháp. Cho nên, Đức Phật trách Ca-chiên-diên rằng không dùng tâm hành sinh diệt nói pháp

thật tướng. Nếu dùng tâm sinh diệt nói pháp thật tướng thì thật tướng thành sinh diệt, nếu tâm thật tướng nói sinh diệt thì sinh diệt thành thật tướng. Cho nên, nghe nói sinh diệt đều nhập môn thật tướng, chỉ vì người mở rộng ý kinh thường dùng giáo đồng tâm không thể khiến tâm đồng giáo nên người tin theo rất khó, đây đâu phải luống dối ư!

Lại người mở rộng ý kinh thường gặp nạn, vui sinh thoái tâm cho nên người tin khó đắc.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Đã mở mang chánh đạo thì tổn hoại phi đạo cho nên nguyên tắc của phi đạo như uống thuốc hay thì động các bệnh cho nên bệnh đến phải tu sửa thân sau đó mới được mau lành, vì thường như vậy.

Hỏi: Do năng lực nào mà khiến các nạn đẩy lùi?

Đáp: Đại Phẩm nói do thần lực của Chư Phật nay nói lý mà nói lại là năng lực của kinh, do năng lực mở rộng đạo có khả năng trừ phi đạo nên gọi là năng lực kinh.

Hỏi: con tuy dẫn rộng các kinh thành thật như đã nói, nhưng Pháp Hoa chính là nói gom ba về một hiển thật bỏ quyền, vì sao lại nói về nghĩa không?

Đáp: luận Thập Nhị Môn chép: Ma-ha-diễn (Đại thừa) là pháp tạng sâu xa của Chư Phật mười phương ba đời, vì người có công đức lớn lợi căn mà nói Ma-ha-diễn gọi là Đại thừa.

Đại thừa gồm có sáu nghĩa:

1. Vượt hơn Nhị thừa nên gọi là Đại thừa.
2. Đó là thừa vững chắc của Chư Phật đại nhân nên gọi là Đại.
3. Nói nương tựa của Các đại sĩ như Quán Thế Âm, Di-lặc, v.v... nên gọi là Đại.
4. Là chỗ nương của Chư Phật lớn nhất năng đến gọi là Đại.
5. Có khả năng dứt khổ lớn cho chúng sinh đem lại lợi ích lớn nên gọi là Đại.

6. Năng thông suốt nguồn gốc các pháp nên gọi là Đại. Đại phần nghĩa sâu xa cái gọi là Không, nếu thông đạt không này thì thông đạt Đại thừa, đầy đủ sáu Ba-la-mật không bị chướng ngại. Luận nói Đại thừa là pháp tạng sâu xa của Chư Phật mười phương ba đời, Không còn là sự sâu xa mẫu nhiệm trong pháp tạng, cho nên biết không ấy là sâu xa tốt cùng trong pháp tạng, cho nên biết không ấy là tốt cùng sâu xa trong sự sâu xa, cực đại trong đại, đó là chia Pháp Hoa thành ba nguyên tắc lấy Không làm tòa cao, nói rộng bổn hạnh lấy không làm an vui, đâu chẳng phải rõ ràng Bồ-đề-tát-đỏa dạy khuôn pháp mẫu nhiệm cho đạo

tràng ư!

Hỏi vặn rằng: gom ba về một chính là hội các hành trong hữu để qui nhất Phật thừa, vì sao nói không ư! Lẽ nào chẳng phải chỉ Nam làm Bắc để hiểu học trò mê, luận tuy có nói thành thật còn chưa xét kỹ ý, thỉnh làm hội nhập thông khiến không chút đăm chấp ư!

Đáp: Nếu lãnh hội Huyền văn của ngài Long Thọ, đã hiểu ý chỉ mẫu nhiệm của gom ba, con chưa ngộ nay sẽ lập lại rõ ràng. Xét về gom, ba về một vốn khiến cho Nhị thừa hưởng về Phật đạo, quyết do xét rõ mà gọi là thật tướng vốn đối với ngôn từ dứt bỏ tư lự, không biết vì sao gượng gọi là không! Do chấp không tướng nên tâm không chỗ nương, tâm không chỗ nương nên năng động năng xuất đó gọi là Thừa. Nếu chẳng thấy tướng không thì tình có, tình có chỗ nương, chỗ nương thì gọi là có sở đắc, nếu có sở đắc bất động bất xuất, tuy là suốt đời giơ tay, trải qua nhiều kiếp cúi đầu cũng không đắc nghĩa Phật. Vì vậy nên qui nhất phải ngộ Không, đâu thể không cố gắng ư!

II. Kế là nói về duyên khởi phiên dịch:

Kinh này gồm có hai bản:

1. Kinh Chánh Pháp Hoa do ngài Trúc-đàm-ma-la-sát đời Tấn dịch ở Trường An. Hán dịch là Trúc pháp Hộ.

2. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đời Tấn ngài Cưu-ma-la-thập, Hán dịch là Đồng thọ, vào ngày 23 tháng 4 năm niên hiệu Mở rộng Thi thứ năm đời Ngụy Tấn, dịch ra Đại Phẩm tại ở Trường An vườn Tiên Diêu, về sau ở chùa Thảo Đường dịch kinh này ra hai mươi bảy phẩm. Hai bản kinh này có xưa nay thể chất rộng lược khác nhau mà đại ý thì đồng. Lại có kinh Đại bi hoa sen nói rộng về đức từ bi khác với hai kinh trên do ngài Đàm-vô-sấm dịch, trong đó lại có các kinh như Hoa Thủ, Hoa Nghiêm, v.v... chẳng phải một. Nhưng đời Tấn có trước sau ở Giang hữu gọi là Tây Tấn được năm mươi hai năm, kinh này còn ở nước ngoài, Từ khi Nguyên Vương qua Giang Tả gọi là Đông Tấn, đến đời Tấn An Đế Nghĩa Hy trong kinh này mới bắt đầu độ, nhưng đời Tống được sáu mươi năm, đời Tề được hai mươi ba năm, đời Lương được bốn mươi bốn năm, cộng chung hai trăm hai mươi chín năm. Từ đời Lương đến nay năm mươi năm, gần ba trăm năm.

Kế là nói duyên khởi giảng kinh: kinh Pháp Hoa có hai bản tân cựu người giảng cũng có hai vị. Danh Tăng truyện chép: Ban đầu giảng kinh là ngài Trúc Pháp Hộ, Trúc-pháp-hộ đã đích thân dịch kinh này, về lý phải giảng rộng, sau ngài Trúc-pháp-hộ giải thích dòng An Trúc-thái v.v... chỉ giảng bản cũ mà thôi, và ngài La-thập đến Trường An dịch

kinh Pháp Hoa bản tân dịch xong có ngài Đạo Dung giảng chia làm chín triệt, người thời ấy gọi là Cửu Triệt Pháp sư, văn Cửu Triệt nay chưa thấy, giảng Tân Pháp Hoa đầu tiên là ngài Đạo Dung. Từ ngài Đạo Dung về sau có Đàm Ảnh, Đạo Sinh lưu truyền trước thuật chẳng phải một. Kế là đời Tề có thanh tín Ưu-bà-tắc tên Lưu Cầu cùng mười vị danh tăng nương dựa như An, Lâm, Nhất, Viễn, La-thập Tăng Triệt, v. v... các sư lưu truyền biên soạn gọi là chú Pháp Hoa, cho đến đời Lương bắt đầu ba đại Pháp sư thạc học nổi tiếng đương thời, thường luận Đại Tập và giải thích các kinh, nhưng khai thiện thì dùng Niết-bàn khen ngợi, Trang Nghiêm dùng Thập địa, Thắng-man để nêu danh. Quang Trạch với Pháp Hoa lúc ấy một mình truyền bá, nhưng Quang Trạch thọ kinh với ngài Ấn Pháp sư ở chùa Trung Hưng. Ấn Pháp sư vốn là người Thọ Xuân họ Chu, thuở nhỏ dạo chơi ở Bành Thành mà được thọ luận với ngài Đàm Ảnh, kế là theo ngài Khuông Sơn Tuệ Long thọ học Pháp Hoa mà ấn giảng kinh này từ trẻ đến già được tất cả hai 50 biển, xuân qua thu lại tới sáu mươi sáu năm đến niên hiệu Vĩnh Minh thì mất. Quang Trạch Văn Pháp sư theo Ấn Pháp sư ở chùa Định Lâm hạ núi Chung Sơn nghe kinh Pháp Hoa giảng xong ở sau chùa sắp đá làm thính chúng và tòa thuyết giảng, do tự lên tòa đá giảng cho đá nghe. Ấn Pháp sư chưa biết, bí mật nghe Ngài nói một lời chẳng sót. Đến năm ba mươi tuổi đến chùa Diệu Âm khai đề kinh hai kinh Pháp Hoa và Tịnh Danh phù hợp căn cơ, chúng sinh đạo tục khắp nơi đều tán phục, từ đó về sau Pháp Hoa được hưng hiển. Tôi lưu hành đến Vũ Xuyên sơ ký thất lạc, nhân lúc nghe giảng ấy lược soạn đề mục làm bình giải, dấm bình, truyền dạy. Bởi đó là cách bổ khuyết đầy đủ cho thiếu sót và lỗi lầm chính tự bỏ đi.

Tựa kia lời bình có năm ý: Ý theo luận Đại thừa để thông Phương Đẳng, bởi giải thích rộng về kinh phép tắc bản tông Thông giáo. Luận Đại thừa gồm có hai thứ:

1. Giải thích chung Đại thừa nghĩa là: Trung luận, Bách luận, môn luận Mười hai, luận Địa trì, luận Nhiếp Đại thừa, v.v...
2. Giải thích riêng một bộ là luận Đại Trí Độ, Địa Luận, luận Kim cương Bát-nhã, luận Pháp Hoa, v.v.... giải đủ hai luận chung riêng là bắt đầu xem xét kỹ ý chỉ của Đại thừa có thể giảng kinh Đại thừa.

Luận Tiểu thừa cũng có hai:

1. Giải thích chung Ba tạng, là Bát-kiến-độ, luận Bà-sa, Thành luận v.v...
2. Giải thích riêng một giáo Như Hiếp Tỳ-kheo soạn luận Tứ A-

Hàm để giải thích riêng giáo pháp bốn bộ A-hàm. Thập bát bộ Bà-sa giải thích mười tám bộ luật như Thiện kiến v.v... Xá-lợi-phất tỳ-đàm giải thích riêng Phật cửu phần Tỳ-đàm tạng; giải đủ chung riêng hai luận có thể giảng kinh Tiểu thừa. Cho nên, ngài Mã Minh Long Thọ soạn luận Đại thừa để giải thích Đại thừa. Pháp thắng Ha-lê soạn luận Tiểu thừa để giải thích ba tạng, đây là đồ tía khác nhau thông suốt phân biệt rõ ràng, mà huân tập chung theo số luận để giải thích Phương Đăng, tiến lên thì không có công mở rộng ý kinh, lui sụt thì có lỗi lầm tổn thương luận.

Hỏi: Số luận là mở rộng ý kinh từ lâu đâu có lỗi lầm sai trái làm tổn hại ư!

Đáp: Từ lâu giải thích ba tạng như bài tựa của Bạt-ma làm ngăn chướng Phương Đăng hiện văn Pháp Hoa, cho nên nói an trụ bốn hành giảng nói kinh này không được gần gũi học ba tạng Tiểu thừa, kinh có dạy bảo, có thể không cần thận được ư!

Hỏi: Sao biết Thành luận chỉ giải thích Tiểu thừa?

Đáp: Ha-lê tự xưng là chánh luận Ba tạng, làm sao chẳng phải Tiểu thừa! Ất hẳn nói đây thật cũng giải thích Phương Đăng lỗi ở môn nhân chẳng phải lỗi của Bạt-ma. Lại, ngài La-thập dịch Thành luận rồi, sai Tăng Duệ giảng, Tăng Duệ giảng bài tựa rằng: Đất nước gió lửa là giả, sắc hương vị xúc là thật, mà tinh xảo có thừa rõ ràng thật không đủ, đây là thật trong ba tạng, chẳng phải Phương Đăng nói. Cuối lời tựa lại trình bày ngài La-thập nói, người đời Tần cho rằng luận Thành Nói thật diệt đế và Phương Đăng đều nhất trí. Ngài La-thập than rằng: người đời Tần không hiểu sâu làm sao đạt đến chỗ này ư! Tôi thường nghi kia, đều tin Đại thừa, phải biết tỏ ngộ, không do trong mê mà có thể biết. Thành luận nói diệt đế so với Phương Đăng, kia cũng như đèn rỗng và ánh sáng đom đóm, bóng đèn đêm và mắt cá chưa đủ để dụ cho sự ngu ngốc kia.

Hỏi: Nói về Thông giáo lỗi rõ ràng ở trước, dùng số mở rộng ý kinh thì có lỗi gì?

Đáp: Thích luận giải nghĩa bốn duyên, có người hỏi muốn học bốn duyên thì phải học Tỳ-đàm, vì sao lại học Bát-nhã! Ngài Long Thọ đáp rằng: Tỳ-đàm đối với người Sơ học dường như có thể hiểu, tìm cầu càng lâu thì thành tà kiến, do đây rõ ràng lỗi lớn hơn trước, ở đây phê bình được mất thứ nhất!

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa chính chỗ là bí áo của Phương Đăng, căn bản của các bậc Thánh, lỗi văn sắc xảo, nghĩa lý sâu xa. Khảo xét

kinh, suy tìm luận có thể gọi là giáo lý viên mãn, thuyết rốt ráo vô dư, từ xưa đến nay người thọ trì đọc tụng thì rất vắng lặng bên trong, tốt đẹp bày ra bên ngoài thì không thể nói hết. Nhưng người giữ gìn phép tắc qui củ năm thời so sánh lượng Thánh hóa không có phương hưởng, vọng cho rằng kinh ngày còn là bán tự, nói nhân chưa viên, quả chưa mãn, năm thời đã vậy, bốn tông cũng vậy. Phế bỏ sự vọng bàn năm bốn nói rõ ý chỉ tròn đầy rốt ráo, tiến lên thì có phước xưng tán, lui sụt thì không có tội hủy báng, đây là lời bình được mất thứ hai.

Bên ngoài nói tự thấy, không nói tự mạnh không ai hơn, trong phần nói giữ lâu một kiến chấp, không thể nào xóa bỏ, chỉ dùng một văn mất viên chỉ kia, cho nên nhóm họp rộng các luận khác, nhặt chọn nơi các sư khéo lựa chọn mà theo thì có thể biên chép, còn ngài Tuệ Cơ lấy không làm thừa, vốn hợp với kinh Vô lượng nghĩa, ngài Đạo Sinh giải thích tuổi thọ rõ ràng thường phù hợp với luận Pháp Hoa, như ví dụ này đều có thể dùng. Như nói: xưa có người thực hành cả sáu độ, nay giáo nói nói về bốn xe. Lại nói chưa thoát khỏi hai thứ sinh tử đã vượt qua năm trăm do-tuần, đây đều là kinh luận không văn, tức sự trái nhau đều bỏ, đây là lời bình được mất thứ ba. Luận Đại Trí độ giải thích phẩm Vô tác cho rằng khéo nói Bát-nhã phạm có mười môn, sau rốt gọi là phân biệt sâu cạn khó dễ. Sâu cạn khó dễ: Như nước sâu khó qua, nếu khéo phân tán thì sâu thành cạn mà qua càng dễ, nhưng việc tốt quân tử từ rộng sinh vi tế, chương lược nêu đại ý, thì làm mê loạn sự trong sáng thành thật kia, che mất ý chỉ mở rộng truyền, hoặc đến trước mà tiến, tụng sau đến sau mà lui sụt tụng trước, tiến lên không có ích lợi đối với văn lý, lui sụt thì có lao nhọc đối với nói nghe, nay lược bỏ sự phiền phức trong phần chính, đối với các sai trái, thiếu sót khiến cho gương tối sáng khác nhau, mong được có công đức hơn phân nữa. Đây là lời bình được mất thứ tư. Thư nói: Lời đẹp dễ không đáng tin, lời đáng tin không đẹp dễ. Kinh dạy: người ngộ sâu ưa nghĩa, người hiểu cạn ưa văn hay, như thấy chương sau nên rõ quả cho rằng đoạn đầu nói nhân, muốn cho nhân quả đối nhau. Lại văn nói lúc mới hiện có sáu điểm lành ở cõi này cũng hiện sáu điểm lành ở cõi khác muốn dùng văn hai lần sáu thành cặp đôi, đây là khéo nói chỗ khác mà thể của nghĩa không đủ văn nêu đầy đủ rõ ràng. Nay thấy ngài Long Thọ giải thích Đại Phẩm, Thiên Thân giải thích Hoa Nghiêm, chỉ khiến văn nói lên, lý rõ ràng, rốt cuộc không có ý này, cho nên phép tắc của bậc Thánh phải y theo, phép tắc của Phàm phải bỏ, đây là lời bình được mất thứ năm.

Kế là nói kinh nào được mở rộng ý chỉ: Kinh này có mười thứ bất

khả tư nghì:

1) Hóa chủ bất khả tư nghì. Các kinh điển khác không có, như phẩm Hiện Tháp báu nói Chư Phật khắp mười phương đều nhóm họp, mỗi phương có bốn trăm muôn ức na-do-tha hằng hà sa Chư Phật đầy khắp, trong đó, lại từ trong tháp Đa Bảo vọt hiện lên gọi là Phật quá khứ nhóm họp, phân thân Phật nhóm họp, nghĩa là hiện tại Phật nhóm họp, Bồ-tát khắp mười phương đến nhóm, nghĩa là Phật vị lai nhóm họp. Tóm lại Chư Phật mười phương ba đời đều hội đủ trên núi Linh Thứu, ngoài đây ra, chưa hề có sự nhóm họp đông nhiều như thế.

2) Đồ chúng bất khả tư nghì: Trong các thế giới ở mười phương mỗi phương có bốn trăm muôn ức na-do-tha Chư Phật thị giả đầy khắp trong đó. Lại ở phương dưới có ngàn thế giới số Bồ-tát nhiều như cát bụi từ đất vọt lên đầy khắp mười phương hư không, các chúng như vậy không thể kể hết. Tuy bắt đầu từ Liên Hoa Tạng cuối cùng đến sông Bạt đề cũng chưa có số đông như vậy, nên gọi là đồ chúng bất khả tư nghì.

3) Giáo môn bất khả tư nghì: các kinh điển khác không có, Như Hoa Nghiêm Đại Bát-nhã đều có mười muôn bài kệ còn đã là nhiều, Thích luận nói kinh Pháp Hoa vô lượng vô biên như số giọt của nước biển lớn, lại Đức Phật Đại thông Trí Thắng nói kinh Pháp Hoa có Hằng hà sa bài kệ, Đức Phật Oai Âm Vương nói kinh Pháp Hoa này có hai mươi ngàn muôn ức na-do-tha kệ, đây là giáo môn bất khả tư nghì.

4) Thời tiết bất khả tư nghì: Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nói kinh Pháp Hoa này trong sáu mươi tiểu kiếp, Bồ-tát Diệu Quang nói kinh Pháp Hoa trong tám mươi tiểu kiếp, Đức Phật Đại Thông Trí Thắng nói kinh Pháp Hoa trong tám ngàn kiếp, mười sáu vị Sa-di nói kinh Pháp Hoa trong tám muôn ngàn kiếp, Đức Phật Thích-ca khi nói kinh này Bồ-tát Dũng xuất hỏi thăm Chư Phật. Thời gian trải qua năm mươi tiểu kiếp nói kinh Pháp Hoa như vậy, thời tiết đầu thế tính kể cho nên gọi là thời tiết bất khả tư nghì.

5) Lợi ích bất khả tư nghì: Như phẩm Phân biệt công đức, lúc mới có mười hai thứ lợi ích, bắt đầu từ vô lượng hằng hà sa Bồ-tát ngộ Vô sinh nhẫn, cuối cùng đến chúng sinh nhiều như cát bụi của tám thế giới Chư Phật phát tâm Bồ-đề, các kinh khác dạy người ngộ đạo cũng chưa có trường hợp nào như thế, cho nên lợi ích bất khả tư nghì.

6) Cõi nước bất khả tư nghì: Như đức Thích-ca Mâu-ni muốn chứa nhận phân thân Chư Phật đều biến tám phương sáu muôn ức na-do-tha cõi nước đều thành cõi tịnh. Lại phẩm Thần Lực nói: Lúc ấy mười

phương thế giới thông làm một cõi nước Phật, khi nói các kinh hoặc có biến cõi hoặc không biến cõi hoặc biến một cõi hoặc biến một hội chưa hề có việc trang nghiêm như thế, cho nên là cõi nước bất khả tư nghì.

7) Thần lực bất khả tư nghì: như đức Thích-ca và mười phương Phật đồng thời hiện bảy thứ thần lực đủ trăm ngàn năm, các kinh điển khác tuy hiện thần lực chỉ một Đức Phật hoặc chỉ một thời gian cũng chưa hề có việc như thế, cho nên thần lực bất khả tư nghì.

8) Công đức bất khả tư nghì: như theo thứ lớp năm mươi người xoay vần nghe kinh mà một niệm tùy hỷ, hơn cả bố thí bốn trăm muôn ức a-tăng-kỳ thế giới, tất cả chúng sinh trong sáu đường đều được an vui đầy đủ khiến được đắc quả A-la-hán, hưởng chi là người thọ trì đọc tụng, phước giải thoát không lường được, cho nên là công đức bất khả tư nghì.

9) Kết thúc đầu cuối dung hội quyên thật: một khi hóa giáo môn rõ ràng có thể hiểu thông, các kinh điển khác nói thẳng mà thôi, gọi là giáo môn bất khả tư nghì.

10) Khai gần hiện xa dung hội chân ứng, vô phương đại dụng lợi ích chúng sinh ba đời, các giáo khác không nói chỉ có kinh này có gọi là thân bất tư nghì.

Do có mười thứ khó nghĩ bàn như thế người trì nói vắng lặng bên trong, bên ngoài hiện tướng tốt đẹp Tăng phụ giúp biên chép rộng đâu có luống uổng ư!

Bài tựa thứ hai nói về kinh:

Hỏi: Sao Đức Phật vì nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa này: Chư Phật không vì vô sự hay nhân duyên nhỏ mà phát ngôn, thí như núi chúa Tu-di chẳng có lý do hay nhân duyên nhỏ mà rung chuyển, nay có nhân duyên gì lớn mà nói kinh này ư!

Đáp: Chư Phật trụ trong ba việc thị hiện nói mười hai bộ kinh, ba việc thị hiện tức là ba luân:

- 1) Tha tâm luân.
- 2) Thần thông luân.
- 3) Nói pháp luân.

Đã trụ trong ba việc nói mười hai bộ kinh, phải biết cũng trụ ba việc nói kinh Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao mà trụ ba việc nói kinh Pháp Hoa này ư!

Đáp: ba việc thị hiện tức là Như lai ba nghiệp lợi ích chúng sinh. Tha tâm thông là ý nghiệp lợi chúng sinh, thần thông luân là thân nghiệp lợi ích chúng sinh, nói pháp luân là khẩu nghiệp lợi ích chúng sinh.

Hỏi: Kinh này chỗ nào nói về ba luân ư!

Đáp: Như nhập Tam-muội vô lượng nghĩa xứ nghĩa là tha tâm luân, phát ra ánh sáng, rung chuyển mặt đất, mưa hoa hiện cõi nước là thần thông luân, xuất Tam-muội nói rộng kinh Pháp Hoa, rớt ráo một kinh gọi là nói pháp luân.

Lại nói chung giáo môn gồm có hai thứ:

- 1) Chánh quả: là thân Như lai.
- 2) Y quả tức cõi nước.

Nếu hiện hai quả y báo chánh báo của Chư Phật gọi là thần thông luân, nếu nói hai quả y báo chánh báo của Chư Phật gọi là Thuyết pháp luân, ứng cơ mà thị hiện hai quả này là tha tâm luân. Cho nên Phẩm Thọ Lượng nói: Hoặc nói thân mình, hoặc nói thân người, gọi là thuyết pháp luân; hoặc chỉ việc mình hoặc chỉ việc người là thần thông luân; trong Phẩm Tựa nói nhiều về nghĩa này. Lại tha tâm thông là biết bệnh, biết thuốc, hiện thần nói chung pháp là đúng bệnh cho thuốc. Lại ứng sinh phước đức là hiện thần thông, ứng sinh trí tuệ là nói pháp. Lại hiện thần thông thì phát khởi tín tâm nói pháp thì sinh trưởng trí tuệ cho muôn vật, Phật pháp như biển lớn, Tín thì có khả năng vào, Trí thì có khả năng vượt qua, tức Phật pháp đầy đủ. Lại thần thông luân bí mật lợi ích chúng sinh, nói pháp luân hiển hiện duyên lợi ích, Thánh hóa tuy nhiều không lìa hiển mật. Lại thần thông luân Phương Tiện phát khởi, nói pháp luân khai tông, truyền pháp. Lại thần thông luân cứu khổ ban vui nói pháp luân dứt hoặc sinh giải. Lại thần thông luân nói lên nghiệp công đức của Phật, nói pháp luân nói lên nghiệp trí tuệ của Phật. Lại thần thông luân cứu giúp ba đường ác khiến chúng sinh lìa khổ, nói pháp luân khuyên siêng tu ba đường lành khiến cho chúng sinh tiến hành. Lại nói pháp luân nói lên đức Bát-nhã, thần thông luân nói lên đức Pháp thân, như phẩm Tứ Tướng trong Đại kinh nói. Do có câu nghĩa như vậy nên trụ trong ba việc.

Hỏi: Xưa dùng ba luân và nay dùng có gì khác?

Đáp: Phẩm Thí dụ nói: lúc bấy giờ Trưởng giả nghĩ rằng phải dùng vạt áo hoặc dùng chiếc ghế từ trong nhà mà leo ra ngoài, nghĩ như vậy gọi là tha tâm luân, nên dùng vạt áo gọi là thần thông luân, hoặc dùng chiếc ghế là nói pháp luân. Trong phần hợp nói: Như lai lại nghĩ rằng nếu chỉ dùng thần thông lực và trí tuệ lực tức là việc ấy. Chỉ vì lúc mới thành đạo liền muốn dùng ba luân giáo hóa muôn vật khiến cho nhập vào Nhất thừa, mà căn duyên chưa kham nổi, nay mới đặc dụng, cho nên khác với xưa.

Hỏi: Ba luân có thứ lớp gì?

Đáp: Trong ba luân, tha tâm thông là gốc, nghĩa là biết bệnh biết thuốc rồi sau mới hiện thần thông, nói pháp luân ứng theo bệnh mà cho thuốc. Vì lấy tha tâm làm gốc, nên Như lai trước nhập Tam-muội kế hiện thần thông rồi sau mới xuất định nói pháp.

Hỏi: Trong phẩm đầu có bao nhiêu luân?

Đáp: Nói theo Phật thì phẩm đầu nhập định, hiện tướng lành chỉ có hai luân mà Di-lặc hỏi, Văn-thù đáp cũng là nói pháp luân. Từ phẩm Phương Tiện xuất định nói pháp xong ở một kinh gọi là nói pháp luân, trong đó có hiện các việc như thần thông, v.v.... thuộc về thần thông luân.

Hỏi: Trong ba luân trong sáu thông về thuộc thông nào?

Đáp: Theo nghĩa sáu thông thì ba thông là thị hiện, ba thông không phải thị hiện, tha tâm thông tức tha tâm luân, như ý thông là thần thông luân, lậu tận thông là nói pháp luân.

Hỏi: Ba thông còn lại vì sao không gọi là thị hiện?

Đáp: ba thứ như tha tâm, v.v... năng khiến cho chúng sinh tức sự tín nghiệm nên gọi là thị hiện. Ba thứ như thiên nhãn, v.v... không thể như vậy, nên không gọi là thị hiện, thông đây giải thích một kinh mà chánh so sánh ở phẩm đầu.

Lại nữa muốn nói ba thứ tịnh nghĩa của Chư Phật cho nên nói kinh này:

- 1) Năm giới, mười điều thiện để thanh tịnh ba đường.
- 2) Nói bốn đế, mười hai nhân duyên để thanh tịnh ba cõi.
- 3) Nói Phương Đẳng, Nhất thừa để thanh tịnh Nhị thừa.

Đầy đủ ba tịnh này khiến cho chúng sinh được ra khỏi ba cõi, trong ngoài nhà lửa cho nên nói kinh này. Lại muốn nói pháp môn ba dẫn cho nên nói kinh này:

1) Từ bắt đầu Như lai xuất thế đến trước khi xong Pháp Hoa, là dẫn dắt chín mươi sáu thứ ngoại đạo tà kiến và chúng sinh tại gia qui về năm thừa chánh pháp.

2) Dẫn năm thừa khác nhau đồng trở về Nhất thừa tức ý đoạn đầu trong Pháp Hoa.

3) Dẫn nhân Nhất thừa trở về quả pháp thân tức ý đoạn sau của kinh này.

Ba dẫn này chẳng giáo nào không thấu, không lý nào không nhiếp. Nay nói pháp ba dẫn rất ráo cho nên nói kinh này. Lại nữa muốn nói quyền thật hai trí giúp nhau thành tựu nên nói kinh này. Sở dĩ như vậy

là bởi chẳng phải quyền không lấy gì nói thật, chẳng phải thật không lấy gì nói quyền, do thật hiển quyền, do quyền hiển thật. Do quyền hiển thật cho nên quyền nương vào thật, do thật khởi quyền cho nên thật nương vào quyền, Chư Phật ba đời trí dụng tuy nhiều nhưng không ra ngoài hai thứ này. Chỉ do họ mê tông hoặc chấp quyền mà bỏ mất thật, hoặc chấp thật mà quên quyền. Nay muốn khai hiển hai trí quyền thật nương nhau thành tựu nên nói kinh này. Lại nữa muốn nói pháp luân căn bản nên nói kinh này. Căn bản pháp luân: nghĩa là Chư Phật ba đời xuất thế vì một đại sự nhân duyên mà nói đạo Nhất thừa, chỉ vì căn duyên chưa kham nổi, cho nên đối một nói ba tức dùng Nhất thừa làm gốc, Ba thừa giáo làm ngọn, chỉ có người đại duyên đã thuần thực mới có khả năng thọ lãnh Nhất thừa. Nay muốn trở lại nói pháp luân căn bản cho nên nói kinh này.

Hỏi: Khi Đức Phật mới thành đạo muốn dùng Nhất thừa giáo hóa chúng sinh mà không được. Hoa Nghiêm giáo nói khi mới thành đạo vì hàng Bồ-tát cũng nói Nhất thừa, hai kinh đâu có khác?

Đáp: Giáo giải thích khác khác nhau, hoặc như phương Nam nói năm thời, phương Bắc luận bốn tông, đều nói Hoa Nghiêm là giáo pháp viên mãn, Pháp Hoa là nói chưa liễu nghĩa. Nay vấn nạn chung, nói lúc mới thành đạo dùng Nhất thừa giáo hóa chúng sinh không được, nay nói pháp hoa tức là Nhất thừa giáo hóa chúng sinh được. Nếu nói nay nói pháp hoa nghĩa vẫn chưa liễu thì Đức Phật khi mới thành đạo liền muốn dùng Nhất thừa giáo hóa chúng sinh không được, tức đây nên phát bất đầu liền dùng bất liễu nghĩa hóa vật. Nếu Đức Phật khi mới thành đạo liền muốn dùng bất liễu nghĩa hóa vật, thì đây trái với ân tình của cha con, tổn thương bản ý Chư Phật. Nếu nói khi mới thành đạo là liễu nghĩa hóa vật, nay nói pháp hoa cũng là bất liễu nghĩa, thì lúc mới thành đạo có thể là Nhất thừa hóa vật không được, nay nói pháp Hoa lẽ ra chẳng phải Nhất thừa hóa vật được.

Lại hỏi do nghĩa gì mà kinh Pháp Hoa chưa liễu nghĩa ư! Bào chữa rằng: nói viên mãn giáo nghĩa là nhân viên quả cực, kinh này chưa nói thường trụ nên quả chưa mãn, mãn tự đầy đủ là nói duyên nhân chánh nhân, kinh này chỉ nói duyên nhân thành Phật, chưa nói chánh nhân cho nên nhân chưa mãn. Đáp: Kinh này nói chúng sinh có Phật tánh tức là chánh nhân, nương muôn hạnh làm Nhất thừa tức là duyên nhân nên nghĩa nhân đầy đủ, khai gần tích là vô thường, hiển diệu bản là thường trụ, nên nghĩa quả rất ráo, nghĩa này sau sẽ nói, vì thế không nên nói kinh này vẫn chưa liễu nghĩa.

Lại Đức Phật dùng các thứ nhân duyên khen ngợi kinh Pháp Hoa khiến người tin nhận. Nếu nói giáo tương đương bán tự, lý vẫn chưa viên thì khiến cho số đông người nghe kinh không sinh tôn kính, đối với Pháp Hoa liền khởi tâm khinh thường, trên mất phước mở mang, dưới chiêu cảm tội lầm vật. Phẩm Thí dụ chưa ký thác tâm, nay giải thích Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đồng nói về một nhân một quả, giáo mãn lý viên vô dư rốt ráo, chỉ khéo léo Phương Tiện khởi duyên khác nhau, lãnh giải đại yếu kia gồm có mười bốn thứ:

1) Hoa Nghiêm lúc mới nói Nhất thừa, Pháp Hoa cuối cùng nói Nhất thừa, từ đầu đến cuối là khác Nhất thừa không khác.

2) Hoa Nghiêm nói thẳng Nhất thừa, lúc mới không có chỗ hội, cuối cùng không có chỗ khai, Pháp Hoa đối ba nói một, ban đầu nói khai một làm ba, cuối cùng nói gom ba về một:

3) Hoa Nghiêm vì phát khởi lúc mới học đại duyên nói, Pháp Hoa vì hai thứ duyên mà nói:

a) Vì trước tiểu sau đại duyên mà nói.

b) Vì phát khởi người mới học đại duyên nói.

4) Hoa Nghiêm vì người phước đức đại, căn cơ lợi nói, Pháp Hoa vì người phước mỏng căn độn mà nói. Như lúc mới vốn học đại giữa đường bỏ đại còn tiểu, sau lại bỏ tiểu theo đại nên gọi là căn độn.

5) Hoa Nghiêm cho rằng đạo giáo bình đẳng, Pháp Hoa lúc mới bác bỏ đoạt mê chấp rồi sau mới bình đẳng nói đạo.

Hỏi: Vì sao bác bỏ đoạt mê chấp sau đó mới nói đạo bình đẳng?

Đáp: Ban đầu bác bỏ ba bệnh vì nói Nhất thừa, nếu ba bệnh tiêu thì Nhất thừa cũng phế bỏ, song sau mới biết đạo vắng lặng ba một hai thường thích hợp duyên khác nhau đại tiểu song dụng.

6) Hoa Nghiêm chỉ nói Nhất thừa tuệ thật, Pháp Hoa đủ cả ba, một quyền thật hai tuệ, cho nên khai môn Phương Tiện chỉ bày tướng chân thật.

Hỏi: Nếu vậy Hoa Nghiêm lẽ ra không có hai tuệ sao?

Đáp: Chiếu Nhất thừa làm Thật tuệ soi Ba thừa làm quyền, giáo môn Hoa Nghiêm chỉ nói Nhất thừa nên chỉ có Tuệ. Y theo Nhất thừa tự khai hai tuệ hoặc y cứ động tĩnh song dụng, hoặc y cứ hai hạnh không, hữu cũng được đầy đủ hai tuệ.

7) Hoa Nghiêm là Xá-na tích bản thân nói, Pháp Hoa là Thích ca bản, tích thân nói.

8) Hoa Nghiêm thêm các Bồ-tát nói, Pháp Hoa Như lai tự nói.

9) Hoa Nghiêm chỉ đối Bồ-tát nói? Pháp Hoa lẫn lộn đối Nhị thừa,

Bồ-tát mà nói.

10) Hoa Nghiêm nói theo chiều dọc Nhất thừa khai năm mươi hai vị, Pháp Hoa nói theo chiều ngang Nhất thừa không khai cấp bậc.

Hỏi: Vì sao như vậy ư!

Đáp: Thích hợp giáo hóa khác nhau chẳng phải một loại. Chỉ là Hoa Nghiêm duyên bản tin Nhất thừa nên ở trong Nhất thừa trải qua các vị tăng tiến, cho nên hỏi giai cấp khác nhau, Pháp Hoa duyên bản mặt tin nhân thừa phá ba bệnh kia, mới được tin Nhất thừa nên chưa đặc thứ lớp trải qua các vị tiến lên. Lại tin Nhất thừa được phát tâm Bồ-đề tu hạnh Bồ-tát, học đạo Bồ-tát, nhập pháp môn Hoa Nghiêm, Pháp Hoa không cần hỏi giai vị.

11) Nêu Hoa Nghiêm nói rộng một nhân một quả, Pháp Hoa thì nói lược rõ một nhân một quả.

12) Hoa Nghiêm nói trong cõi tịnh, Pháp Hoa nói trong cõi uế, trong hiện tháp báu tuy là biến cõi nước thành thanh tịnh mà Hoa Nghiêm vốn là cõi tịnh chẳng phải biến mới thành tịnh, Pháp Hoa nói trong cõi uế.

13) Hoa Nghiêm nói ở bảy chỗ tám hội, Pháp Hoa nói ở một chỗ một hội.

14) Hoa Nghiêm một Đức Phật nói, Pháp Hoa thì mười phương Phật phân thân, v.v... Chư Phật ba đời như Đa bảo, v.v... cùng nói. Đây nêu bảy quyển đối với năm hòm kia để nói về việc này, chẳng phải căn cứ Pháp Hoa, đại bản luận. Thích luận nói: Pháp Hoa như nước trong biển lớn làm sao mà không rõ ràng được ư!

Hỏi: Vì sao nói Pháp Hoa đối Hoa Nghiêm ư?

Đáp: Kinh này trong phần lãnh giải nói rộng Trưởng giả là người tôn quý giàu sang, bảy báu đầy đủ, quyến thuộc vây quanh mọi người hầu hạ, đây đều chỉ Hoa Nghiêm khi mới thành đạo vì các Bồ-tát nói đại pháp sự vì vậy cho nên dẫn Hoa Nghiêm so sánh với Pháp Hoa. Nghĩa này hiện ở phẩm Tín Giải, sau thấy luận Pháp Hoa giải thích phẩm Thọ Lượng đầy đủ ba thân:

1) Pháp thân.

2) Báo thân.

3) Hóa thân có đầy đủ ý Hoa Nghiêm, vì các kinh đều nói báo thân tức là Xá-na. Nghĩa tuổi thọ sẽ nói rộng.

Lại nữa muốn chỉ bày Trung đạo lìa tướng hai bên cho nên nói kinh này. Nói hai bên: là y cứ năm thừa trước có hai thứ bên:

1) Thừa trời người là bên thế gian.

2) Ba thừa còn lại là bên xuất thế gian là những người lãnh thọ giáo. Nói thế gian thừa khác với xuất thế thừa, xuất thế thừa khác với thế gian thừa nên gọi là hai bên, đến giáo Pháp Hoa thì nói mảy may điều thiện đều nhập vào Nhất thừa, không còn thế gian thừa, xuất thế gian thừa khác nhau, nên gọi là Trung đạo. Lại trước nói có Tiểu khác đại, đại khác tiểu, lại gọi là hai bên, giáo Pháp Hoa khởi hội chung đại tiểu đây, đồng nhập Nhất thừa không còn đại, tiểu khác thừa, nên gọi Trung đạo. Lại nữa muốn dứt nghi của Nhị thừa và Bồ-tát nên nói kinh này, như nói Bồ-tát nghe pháp này thì lưới nghi đều đã trừ, một ngàn hai trăm vị La-hán đều sẽ thành Phật.

Hỏi: Bồ-tát Nhị thừa có những nghi ngờ gì?

Đáp: người Nhị thừa có hai thứ nghi:

1) Xưa nghi: như Thân tử nói Ba thừa đồng nhập pháp tánh, vì sao thấy các Bồ-tát được thọ ký thành Phật, Nhị thừa không thành Phật muốn thưa hỏi điều ấy với Đức Thế tôn là trước hay không phải trước khi chưa nói pháp Hoa mà có nghi này.

2) Lại nói lúc mới nghe Phật nói trong tâm sợ hãi nghi ngờ đây là nay nghi.

Hàng Bồ-tát cũng có hai điều nghi:

1) Ngày xưa, người mới tu hành tuy nghe tu hạnh Bồ-tát được thành Phật đạo những chưa biết là chắc chắn được thành Phật nay lui sụt làm Nhị thừa đây là nghi cũ (xưa).

2) Nay nghe Pháp Hoa nói không có Ba thừa chỉ có Nhất thừa tâm lại sinh nghi, nếu không có Ba thừa thì Đức Phật trước vì sao nói có ba ư! Nay muốn dứt hai thứ nghi cho hàng Thanh văn, Bồ-tát nên nói kinh này. Sau, thấy luận giải thích văn ba phen thỉnh nói Thanh văn Bồ-tát đều có nghi cũ, hiện tìm chương nghĩa nói phù hợp với văn nay. Lại nữa muốn nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh cho nên nói kinh này.

Hỏi: Vì sao, nay nói Nhất thừa chính là nói Phật tánh ư?

Đáp: Thừa nếu có ba thì có thể có ba tánh, đã chỉ có Nhất thừa thì chỉ có một tánh. Như luận Tỳ-bà-sa chép: “Tất cả chúng sinh có tánh Ba thừa, hễ thành tự bất cứ một thừa nào thì hai thừa còn lại chẳng phải sắc duyên diệt”. Pháp Hoa nói nghĩa Nhất thừa thì không đúng cho nên chỉ có Nhất thừa, chỉ có một tánh.

Hỏi: Kinh này chỉ nói Nhất thừa vì sao lại nói Phật tánh?

Đáp: Trung luận nói rằng: “Tuy còn siêng năng tu hành đạo Bồ-tát nếu trước chẳng có Phật tánh thì làm sao được thành Phật! Văn xuôi giải thích rằng: “Như sắt không có tánh vàng dù có nung luyện cũng

không bao giờ thành vàng được.” Nếu Pháp Hoa chưa nói Phật tánh chỉ dùng nghĩa thành Phật, đã không có Phật tánh thì không có lý thành Phật. Cũng như phẩm Sư Tử Hống hỏi rộng về nghĩa vô tánh thành Phật, dùng lý suy tìm sẽ rõ nghĩa Phật tánh.

Hỏi: Lý suy tìm vậy có văn nào chứng minh?

Đáp: Kinh này phần đầu chưa có nhiều văn nói về Phật tánh, phẩm Phương Tiện nói khai tri kiến Phật đã được thanh tịnh tức là một văn. tri kiến Phật là tên khác của Phật tánh, chúng sinh vốn có tri kiến nhưng bị phiền não che lấp cho nên không được thanh tịnh, Pháp Hoa dạy khởi phát, khai mở cho chúng sinh có tri kiến Phật, đây là nghĩa Phật tánh, nếu không có Phật tánh thì dạy khai chỗ nào ư!

Hỏi: Nếu kinh này đã nói Phật tánh, Niết-bàn sao cần phải nói?

Đáp: Nếu người đã liễu ngộ thì không cần Niết-bàn.

Hỏi: Làm sao biết đến Pháp Hoa liền liễu ngộ, không cần Niết-bàn ư?

Đáp: Phẩm Bồ-tát trong Đại kinh chép: “Như trong kinh Pháp Hoa tám ngàn vị Thanh văn được thọ ký thành báu đại quả, như mùa thu thì gặt hái, mùa đông thì cất chứa, không còn làm gì nữa, cho nên biết đến thời Pháp Hoa thì biết Phật tánh đã được liễu ngộ.

Lại quá khứ hai muôn Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nói kinh Pháp Hoa xong liền nhập Niết-bàn, cho nên biết nghe kinh Pháp Hoa xong liền rốt ráo ngộ, không cần nói Niết-bàn. Lại vào thời Đức Phật Ca-diếp tuy có Niết-bàn mà không nói, nên biết Pháp Hoa là giáo liễu nghĩa. Lại Phẩm Thọ Lượng nói các con có hai:

- 1) Tâm không biết trước.
- 2) Tâm biết trước.

Tâm không biết trước là thời Pháp Hoa kia đều đắc đạo, còn tâm biết trước là đợi sau khi xướng diệt mới được lãnh giải. Sau thấy luận Pháp Hoa nói nghĩa Phật tánh có bảy văn, nay lược dẫn hai: Văn đầu giải thích phẩm Phương Tiện chỉ Phật với Phật mới rốt ráo thật tướng các pháp, thật tướng các pháp là thể bất biến của Pháp thân, Như lai tạng, Phật tánh cũng gọi là Như lai tạng. Cho nên nói ẩn danh Như lai tạng, hiển danh là Pháp thân. Đại kinh nói ngã tức là nghĩa Như lai tạng. Kế văn thứ hai giải thích phẩm Pháp sư, cho rằng nếu biết nước Phật tánh không trái thì được thành Tam Bồ-đề, ý của Phẩm Phương Tiện đã xong.

Lại nữa muốn kết thúc dung hợp đức Thích ca một đời giáo hóa từ đầu đến cuối gồm có bảy môn, nay người Ba thừa chưa được ngộ đều

được lãnh giải cho nên nói kinh này.

1) Môn Tựa Tán Trung đạo pháp thân; nghĩa là Pháp thân Như lai không có tất cả hệ lụy, đủ tất cả công đức, không có tất cả các hệ lụy không thể gọi là có, đủ các đức chẳng thể là không, chẳng có chẳng không tức là pháp thân Trung đạo. Cho nên, kinh chép: “Như lai đối với các sự sợ hãi lo buồn, v.v... vô minh che lấp, v.v... dứt hẳn không còn sót, đây gọi là không có tất cả hệ lụy mà đều thành tựu vô lượng tri kiến lực vô sở úy, v.v... đây là đầy đủ các công đức. Sở dĩ nói hai thứ ấy là vì không có hoạn nạn cho nên có thể cứu hoạn nạn cho chúng sinh, có tất cả đức cho nên giúp chúng sinh không có đức, do đó nêu mới khởi sự giáo hóa nên trước khen ngợi hóa bản.

2) Môn đại bi; nghĩa là Như lai tại Pháp thân địa thấy hai thứ chúng sinh khởi tâm đại bi:

a) Xưa từng được Phật hóa độ mà trước quán chiêu cảm khổ.

b) Chưa trải qua đạo đức cao trọng nên chịu sự thiêu đốt trong ba cõi. Hai hạng chúng sinh này có đủ tất cả hoạn nạn không có tất cả đức cho nên có Phật thì sở đắc không, không có Phật thì sở đắc hữu, vì chúng sinh này khởi tâm đại bi.

3) Môn Thù ỷ ứng: đã khởi tâm đại bi cho nên ứng nhập sinh tử, vì độ chúng sinh nên khởi tám tướng thành đạo. Cho nên, kinh nói mà sinh vào nhà lửa ba cõi cũ mục này tức là việc kia.

4) Môn thật hóa bất đắc: đã khởi tâm tại bi vì chúng sinh mà thành đạo, lúc mới thành đạo liền muốn dùng tâm đại bi chỗ gốc hệ lụy cho chúng sinh dùng đại từ cứu chúng sinh không có đức. Chỉ vì bậc Thánh tuy có khả năng trao truyền mà phạm phu thì không thể nhận lãnh cho nên tạm ngưng thật hóa.

5) Môn Quyền hóa đắc: tuy không theo Nhất thừa hóa mà đại bi không bỏ, muốn dần dần dẫn dắt các con cho nên đối một nói ba gọi là môn quyền dụ.

6) môn Thật hóa đắc: tiểu chấp sắp nghiêng đổ, đại cơ sắp chuyển động, cho nên gom ba về một gọi là môn thật hóa đắc.

7) môn Bất hư: hứa ba cho một dường như trái ngược, do thông hiểu sâu căn cơ chúng sinh cho nên không phải dối gạt, gọi là môn bất hư.

Tóm lại bảy nghĩa này có thể chia làm sáu cặp:

1) Môn đầu là tự môn, sáu môn sau là môn hóa tha, tự tha là một cặp.

2) Hai môn trước là pháp thân, năm môn sau là ứng tích, bản tích

là một cặp. Lại trong năm môn sau, một môn đầu chẳng những đức Thích ca nêu đủ bảy việc này mà cũng là đức Xá-na hóa, tức Thích ca hóa; hai Đức Phật là một cặp.

4) Lại trong bốn môn sau, một môn đầu đốn hóa không được ba môn sau dần hóa được con, nghĩa là đốn tiệm là một cặp.

5) Trong ba môn sau, một môn đầu nói ba, hai môn sau nói một; ba và một là một cặp.

6) Trong hai môn sau, môn đầu là nói một, kế là dung hội, tất cả lời dạy của Chư Phật đều đồng như vậy, ba và một bất hư, nghĩa là giáo và hợp giáo một cặp. Đây giải thích ý thí dụ quả cuối phẩm Phương Tiệm.

Lại nữa muốn nói mười thứ đại ân của Như lai nay người đã ngộ tâm được vững chắc nên nói người chưa hiểu nhân đó sửa đổi chấp cho nên nói kinh này:

1) Quá khứ đức Thích-ca khi mới phát tâm kết bốn hồng thệ nguyện muốn cứu độ khắp chúng sinh trong sáu đường, duyên Pháp Hoa đã nhập vào nguyện này, đó gọi là ân thông hồng thệ thứ nhất.

2) Thời quá khứ đã từng vì duyên này nói pháp Đại thừa mà chúng sinh này đã từng được giáo hóa Đại thừa, đó gọi là ân biệt kết duyên thứ hai.

3) Vô lượng chúng sinh này tội nặng độn căn không vâng theo sự giáo hóa, khởi hoặc nghiệp bị trôi lăn trong sáu đường, Bồ-tát tùy vào sinh tử dùng Phương Tiệm dẫn dắt hóa độ, cho đến nay gieo giống năm thừa, tự trái với lời giáo hóa, về sau cho đến khi thành đạo, trải qua vô số kiếp tùy theo mà giáo hóa, đó gọi là ân tùy trực hóa thứ ba.

4) Đức Thích ca tuy từ lâu đã thành Phật vì chúng sinh này đại căn cơ sắp thuận thực sinh khởi nên lại thị hiện thành đạo. Cho nên, kinh chép: trong đó dừng ở một ngôi thành cho đến cởi bỏ áo châu báu, mặc áo thô xấu, đó là ân ẩn bản bày tích thứ tư.

5) Khi mới thành Phật tư duy đủ các Phương Tiệm để cứu giúp chúng sinh, hoặc muốn hiện thân thông hoặc muốn nói pháp hoặc khuyến khích răn dạy đồng nhập Nhất thừa, nhưng vì trí tuệ Chư Phật rất sâu mà chúng sinh thì độn căn, tuy có công muốn giáo hóa mà không thể theo lý để cứu giúp đó gọi là ân suy nghĩ cứu giúp thứ năm.

6) Con tuy bỏ cha mà cha không bỏ con, nên Phật ẩn giấu chí đạo tuệ Phật rất sâu xa cùng tốt mà mở ra sự an vui trời người rất cạn, đó là ân ẩn lý sâu nói giáo cạn thứ sáu. Cho nên, văn nói rửa mặt nước lạnh khiến được tỉnh ngộ, nghĩa là sau khi thành đạo rồi trước đến vườn Nai

nói giáo cho hàng trời, người.

7) Năm giới, mười điều tạm dứt ba đường: Kế là hư chỉ Nhị thừa khiến ra khỏi năm đường, đó là ân quyền dụ thứ bảy.

8) Tuy dùng Tiểu thừa nhiếp hóa mà bí mật muốn dùng Đại thừa giáo hóa cho nên nói giáo Bát-nhã trao cho tài sản, nhưng vì chúng ấy độn căn chưa thể hiểu ngộ được, đó gọi là ân mật hóa thứ tám.

9) Từ Bát-nhã về sau, Pháp Hoa về trước, trung gian nói Phương Đẳng, hiện Bồ-tát thân biến, hoặc nói pháp môn Đại sĩ, dùng các Phương Tiện cố động chúng tình khiến cho họ bỏ căn thân hèn kém mà ưa mến đại đạo, đó gọi là ân rèn luyện căn thân thứ chín. Cho nên văn nói trải qua thời gian ngắn tức là việc đó.

10) Tiểu chí liền đời bỏ, đại căn cơ sắp động, vì họ nói kinh Pháp Hoa hội nhập thiên tánh cha con, nay người Nhị thừa khiến nhập nhất đạo, hiện tại thọ ký vị lai thành Phật, đó là ân hoàn tất rốt ráo thứ mười.

Hỏi: Vì sao biết đủ mười ân?

Đáp: Phẩm Tín Giải nói đại ân của Thế tôn vô lượng ức kiếp làm sao có thể báo đáp được, là cố giới thiệu chung đức Thích ca từ lúc lúc mới phát tâm đến trong hội này, từ đầu đến cuối trải qua nhiều kiếp gặp gềnh quanh co có mười thứ ân này. Đây trình bày ý trong phẩm Tín Giải bao gồm văn nói Thân tử y, v.v... lãnh giải.

Về sau thấy luận nói: “Muốn nói lên Phật thừa và Nhị thừa khác nhau nên nói thí dụ Cùng tử. Phật thừa như Trưởng giả tôn quý Nhị thừa như Cùng tử hèn kém đây là muốn cho người đã hiểu Đại, Tiểu thừa vững chắc, nói người chưa ngộ phải đổi ba tin lấy một giải thích phù hợp với nay. Lại nữa muốn nói công đức sở hóa và công đức của người năng hóa cho nên nói kinh này. Công đức sở hóa: như mây che phủ khắp đây, mưa xuống thấm nhuần khắp nơi, ba cỏ hai cây tùy phần được thấm nhuần, tuy tùy phần được thấm nhuần mà không hay biết, người có thể hiểu biết thì rất ít có. Đức Như lai từ bi, thân hiện khắp pháp giới thấm nhuần chúng sinh năm thừa tùy phần thọ lợi ích mà không hay biết, nếu có thể hay biết cũng là ít có.

Hỏi: Vì sao không hay biết?

Đáp: Có hai thứ không biết:

- 1) Không biết đồng.
- 2) Không biết khác.

Không biết đồng là không biết Như lai hoặc hình tướng hoặc giáo hóa vì khai Nhất đạo. Không biết khác: là không biết chúng sinh năm

thừa tùy căn có mà thành khác; như cây cỏ không biết một đám mây, một trận mưa nghĩa là không biết đồng. Nay Ca-diếp có thể biết đồng khác, không tự biết thượng trung hạ khác nhau, nghĩa là không biết khác. Nay muốn dẫn khen ngợi người trung căn thuật thành sự lãnh giải của họ cho nên nói kinh này.

Khen ngợi công đức người năng hóa: Nay vì người chưa giải mà khai ngộ, người đã hiểu thì tiến đức cho nên nói kinh này, vì thế kinh chép: “Như lai lại có vô lượng công đức, các thầy dù cho vô lượng ức kiếp nói cũng không hết.

Hỏi: Như lai lại có những công đức gì mà nói không cùng tận?

Đáp: Trong phẩm Tín Giải nói: “Quá khứ kết duyên, ngày nay tương hội”. Vì giáo hóa một phương chưa cùng tận nên dấu tích vô phương. Dấu tích vô phương là pháp thân từ bi, mưa pháp thấm nhuần lợi ích khắp mười phương ba đời đâu chỉ người ba căn trong hội này!

Lại ở trên nói hai châu và hai phen lãnh giải đều nói xưa nêu ba không nói một, nay nói một không nói ba dường như tư riêng, vậy nên nay nói Như lai thường v.v... hiện thân thường, v.v... nói pháp giống như mây mưa, chỉ vì ba duyên tự nghe ba, một duyên tự nghe một! Cho nên Đại kinh chép: “Thường hành Nhất thừa chúng sinh thấy ba”, để giải thích thành ý giáo của hai châu trên nên nói phẩm này. Lại phẩm Tín Giải ở trên nói xưa mới kết duyên, sau cùng là nay hội nhập. Đuổi theo căn tình gặp ghềnh quanh co nếu có tâm ngại khó thì đâu thể lợi ích chúng sinh, cho nên nay nói Như lai hoặc hình hoặc giáo cũng như mây mưa, thuận theo vật gặp ghềnh mà không có tâm quanh co khúc khuỷu. Lại có người nghi nếu đại từ bình đẳng vì sao chúng sinh có người được nghe pháp có người không nghe pháp, như dùng lực uy đức khiến cho chúng năm ngàn vị từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi! Cho nên, giải thích rằng trời thấm nhuần không riêng tư, không ở tại không có căn cơ, chẳng phải lòng từ của Phật không bình đẳng. Đây là giải thích Phẩm Dược Thảo Dự, về sau thấy luận phá người Đại thừa, tự cho rằng nói không có Thanh văn rõ ràng mưa pháp thấm nhuần, tùy căn đặc quả chẳng nên nói không, đây là chứng minh công đức năng hóa trên.

Thứ hai là chỉ bày nghĩa hạt giống vô thượng; hạt giống vô thượng: như nói việc các thầy làm là đạo Bồ-tát, nói Ca-diếp v.v... từng phát tâm Bồ-đề giữa chừng quên mất ý này, nay lại phát tâm hành đạo Bồ-đề chắc chắn sẽ thành Phật nên gọi là hạt giống vô thượng. Đây là chứng minh nghĩa công đức sở hóa thứ nhất ở trên. Lại nữa Phật pháp có hai thứ: pháp hiển thị và pháp bí mật. Pháp hiển thị là Ba thừa giáo nói ba

thứ nhân đắc ba thứ quả cho nên gọi là hiển thị; pháp bí mật là người Ba thừa đều được thành Phật. Như Thích luận quyển một trăm chép: Pháp Hoa nói A-la-hán được thọ ký thành Phật cho nên gọi là Pháp bí mật. Trước đã nói pháp hiển thị rồi, nay sẽ nói pháp bí mật nên nói kinh này.

Hỏi: Vì sao người Ba thừa hành nhân đắc quả, gọi là hiển thị, Ba thừa đồng thành Phật gọi là bí mật?

Đáp: Pháp hiển thị là giáo Phương Tiện. Rõ ràng người Ba thừa đều tự hành nhân, đều đắc thành quả, việc này dễ hiểu, như ngoài ba hạt giống đều sinh ba mầm, tướng kia dễ rõ nên gọi là hiển thị. Pháp bí mật là pháp sâu xa, rõ ràng không có Ba thừa chỉ có Nhất thừa nên nói bí mật.

Hỏi: nếu vậy thì ba nhân ba quả đây là bí mật, vì sao thật không có Ba thừa xét lại tướng nói năng có ba thứ thừa lẽ ra là bí mật, mà đạo lý chỉ có Nhất thừa không có Ba thừa lẽ ra là hiển thị, do chẳng phải xét lại tướng nói năng hay sao?

Đáp: Nếu liễu nghĩa là hiển thị, không liễu nghĩa là bí mật như ở sau có giải thích, nay dùng cạn gần làm hiển thị, sâu xa làm bí mật như trước đã nói, nghĩa này sau sẽ nói rộng.

Hỏi: Vì sao trao cho Nhị thừa nói thành Phật ư!

Đáp: chỉ có Nhất thừa không có thừa khác, chỉ có một Phật tánh không có tánh khác, do đều có Phật tánh cho nên đều sẽ thành Phật. Sau dùng luận giải thích văn thọ ký.

Hỏi: Hàng Thanh văn vì thật thành Phật nên được thọ ký hay không thật thành Phật nên được thọ ký? Nếu thật thành Phật thì vì sao Bồ-tát lại phải trải qua nhiều kiếp tu hành, nếu không thật thành Phật lẽ nào chẳng phải Như lai luống dối thọ ký ư?

Đáp: Thọ ký cho hàng Thanh văn được tâm quyết định, chẳng phải thành tựu pháp, Như lai y pháp bình đẳng nói Nhất thừa.

Pháp bình đẳng là pháp thân Như lai không khác với pháp thân Thanh văn nên được thọ ký cho, chẳng phải đầy đủ công đức mới được thọ ký, Bồ-tát đầy đủ công đức cho nên được thọ ký. Y theo đây nói Phật tánh gọi là pháp thân, cho nên biết Nhị thừa có Phật tánh nên được thọ ký.

Hỏi: Nếu vậy thì tất cả chúng sinh đều có Phật tánh đều được thọ ký thành Phật ư!

Đáp: Không đúng, Phật tánh có hai thứ: chánh nhân và duyên nhân.

1) Tất cả chúng sinh tuy có chánh nhân mà không có điều thiện như hạnh giải v.v... nên không có duyên nhân, không có duyên nhân nên không được thành Phật. Nay người Nhị thừa trong có chánh nhân, ngoài nghe kinh Pháp Hoa sinh các thiện như Tín Giải v.v... tức duyên nhân; duyên chánh đầy đủ nên được thọ ký.

2) Thọ ký cho Nhị thừa tức là nói kinh Pháp Hoa, kinh Pháp Hoa nói một nhân một quả, nay nói người Nhị thừa đã bỏ hai chấp, phát tâm Bồ-đề, nay được thọ ký khiến cho người Nhị thừa hiện tại hành nhân, đời sau thành Phật. Do phát tâm hành, hành tức là một nhân, vị lai thành Phật tức là một quả. Lại người kia tức là Bồ-tát, lại là người một, nói một giáo này gọi là Giáo nhất, cho nên thọ ký cho người Nhị thừa, nói đủ bốn nhất tức là nói kinh Pháp Hoa.

3) Vui sướng trong bản tâm Phật nên thọ ký cho Nhị thừa, vì sao nói Đức Như lai khi mới thành Phật liền muốn khai thị ngộ nhập tri kiến Chư Phật? Chỉ vì lúc Phật mới thành đạo căn tánh chúng sinh chưa kham nổi, nay được thọ ký thì vui sướng bản tâm Phật, đồng nghĩa tâm hỷ của Đại kinh.

4) Thọ ký cho Nhị thừa khiến cho các Bồ-tát không còn thoái chuyển, vì sao? Vì có đạo Nhị thừa có thể có lui sụt, không bao giờ có lý này, vì sao lại thoái ư! Lại người Nhị thừa là người không thành Phật nay sẽ thành Phật, Bồ-tát vốn là người thành Phật vì sao muốn thoái ư!

5) Thọ ký Nhị thừa, tất cả những người chưa phát tâm Nhị thừa khiến cho họ không phát, vì sao! Vì chúng Nhị thừa còn tự xả bỏ, chúng ta chưa đắc làm sao muốn cầu. Vì lợi ích này cho nên thọ ký cho Thanh văn.

6) Thọ ký cho Nhị thừa cho nên tất cả chưa bỏ chấp Nhị thừa, do đây mà đổi thành La-hán, đã được thọ ký ta cũng vô học sao không thành Phật! Liền đổi cẩn thận ưa cầu đại đạo cho nên phẩm Tín Giải nhân Thân Tử được thọ ký tự trình bày những lãnh giải khác tức là việc ấy.

7) Thọ ký Nhị thừa muốn chứng minh ý chỉ Nhất thừa không luống dối, nói không có Ba thừa là thật, vì như vậy, nên ở trên tuy nói Ba quyền một thật mà hoặc người Nhị thừa không được thọ ký, thì lời nói này luống lập. Nay người Nhị thừa được thọ ký thành Phật cho nên biết “Nhất thừa là thật, ba là quyền” chẳng luống dối.

8) Thọ ký Nhị thừa tức nói pháp môn cõi tịnh nghĩa là hóa chủ tịnh, cõi nước tịnh, giáo môn tịnh, đồ chúng tịnh, do đó đầy đủ bốn tịnh

để ngộ Nhất thừa. Sửa đổi ba chấp kia cho nên tâm kia tịnh, tâm tịnh nên cõi nước tịnh, do tịnh này ngộ mà ngộ tất cả chúng sinh tức là giáo môn tịnh và đồ chúng tịnh. Do tâm Thân tử tịnh cho nên Phật nói giáo bốn tịnh.

9) Lúc ấy chúng nghe Nhị thừa được thọ ký ở cõi tịnh thành Phật cho nên hóa vãng sinh, vì có lợi ích này nên thọ ký Nhị thừa.

10) Muốn chứng Nhị thừa lãnh giải là thật cho nên thọ ký cho họ. Xét rằng người được thọ ký là do thật giải.

Do có mười nghĩa như đây cho nên thọ ký Nhị thừa, giải thích chung phẩm Thọ ký rồi. Lại nữa, muốn nói hai thứ pháp của Chư Phật cho nên thọ ký kinh này:

1) Nói pháp hiện tại.

2) Nói pháp quá khứ. Từ trên hai châu đã nói đức Thích-ca một thời kỳ xuất thế từ đầu đến cuối, Phương Tiện làm lợi ích chúng sinh rồi, nay nói đức Thích-ca quá khứ đã dùng pháp môn làm lợi ích chúng sinh cho nên nói kinh này.

Hỏi: Vì sao có hai thuyết?

Đáp:

1) Chúng sinh có ba thứ: a) Thượng căn. b) Trung căn. c) Hạ căn. Hai căn thượng, trung trực kế hiện tại nghe pháp mà được liễu ngộ, nay vì muốn chúng sinh hạ căn được thọ đạo cho nên nói pháp môn quá khứ thì mật.

2) Vì giải thích nghi cho nên có, có người nói mê tu học theo Nhị thừa, vì sao? Vì lúc mới hành Bồ-tát tuy nghe kinh này mà không được Phật thọ ký, người Nhị thừa nghe kinh này liền được thọ ký quyết định, nếu vậy thì chỉ tu học theo Thanh văn không cần thực hành đạo Bồ-tát, vì vậy nên giải thích rằng: Các Thanh văn này trong vô lượng kiếp lâu xa đã thực hành đại hạnh, chỉ vì giữa chừng quên mất ý này cho nên làm người Nhị thừa, chứ chẳng phải làm Nhị thừa thì liền được thọ ký. Tức là giải thích chung nhân duyên ba căn được ngộ Nhất thừa. Luận Pháp Hoa nói: Quyết định Thanh văn không được thọ ký, thoái tâm Bồ-đề Thanh văn mới được thọ ký tương ứng với nghĩa này.

3) Thanh văn chỉ có hai hạng: a) Vốn học Tiểu thừa. b) Thối Đại theo Tiểu, phẩm Thí dụ là vì người vốn học Tiểu thừa, nay vì người muốn thoái lạc Đại thừa nên nói kinh này.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp phẩm Thí Dụ nói trong nhà lửa vốn có ba mươi người con, tức căn tánh Ba thừa muốn cầu ra khỏi nhà lửa mà nói Ba thừa cho nên biết

vì người vốn đã có thừa. Hóa thành nói vốn muốn cầu thành Phật, giữa đường biếng nhác lui sụt nên vì họ nói Tiểu thừa, cho nên biết hai ví dụ vì hai người. Đây căn cứ văn đã xong, mà nghĩa thật thông suốt.

4) Muốn rộng khen ngợi trí tuệ Như lai sáng suốt chiếu soi sâu xa. Nay người Nhị thừa tâm sinh vui mừng kính mến, bỏ mê, ngộ nhập cho nên nói kinh này. Do đó Phú-lâu-na nói: Lại nghe sức thần thông của Như lai, tức là việc ấy.

5) Muốn nói lên Pháp Hoa là pháp của Phật xưa, Chư Phật ba đời đều nói, cho nên nói pháp Thế tôn đã từ lâu, sau phải nói chân thật.

Hỏi: Vì sao tất cả Chư Phật đều nói kinh Niết-bàn ư?

Đáp: Nhất thừa là nhân duyên Phật, không có Chư Phật thì không nói Phật thừa. Chỉ nói Nhất thừa tự có hai thứ: a) Nói thẳng Nhất thừa, gọi là một nhân một quả, như loại Hoa Nghiêm. b) Trước nói Ba thừa, sau nói Nhất thừa, tức là Pháp Hoa. Hai thứ này tuy khác nhưng Nhất thừa không khác, vì vậy cho nên tất cả Chư Phật đều nói kinh Pháp Hoa. Niết-bàn giáo khởi chỉ vì bác bỏ bệnh vô thường nên thường lạc, nếu chúng sinh không bị bệnh vô thường thì không cần nói về thường lạc, vì vậy cho nên Đức Phật hoặc nói Niết-bàn, có khi không nói.

Hỏi: Vì sao văn kinh Pháp Hoa chưa nói nhân Phật tánh, quả pháp thân, vì sao không cần Niết-bàn ư?

Đáp không cần nói. Vì sao? Vì xưa có năm thừa cho nên có ngũ tánh, nay chỉ có nhất Phật thừa tức chỉ có nhất Phật tánh, cho nên người lợi căn liền biết có Phật tánh. Xưa có năm thừa tức quả năm thừa là vô thường, nay chỉ một Phật tức quả Phật là thường, cho nên cũng không cần nói riêng pháp thân là thường. Chỉ vì Đức Phật Thích ca xuất hiện ở đời vẫn đục, Nhất thừa nhân quả chưa ngộ cho nên lại nói nói rộng Niết-bàn.

6) Nói việc quá khứ, chỉ bày việc sinh tử lâu dài. Nay người Nhị thừa khởi tâm nhàm chán sâu xa, ông ở đời quá khứ vốn cầu Phật đạo trải qua nhiều kiếp thoái trụ Tiểu thừa, thật đáng thương xót! Ta đã thành Phật lẽ ra ông nên vui mừng kính mến, người Nhị thừa nghe liền phát tâm cầu Phật.

7) Nói việc đời trước, người hạ căn nhân nghe được lãnh giải, nói thí dụ buộc hạt ngọc trong ché áo cho những người chưa ngộ hiểu.

8) Ba phen nói đã đầy đủ, rộng phát tích quyền hành chính là khiến cho những người tu hành Tiểu thừa biết Bồ-tát khó thể nghĩ bàn, đổi sang chí cầu thành Phật. Vì có tám nghĩa như thế cho nên nói phẩm Hóa Thành. Lại nữa muốn nói công đức trí tuệ như thật cho nên nói

kinh này.

Hỏi: Vì sao gọi là trí tuệ phước đức như thật ư?

Đáp:

1) Phước tuệ như thật là từ thật lý sinh ra, vì Nhất thừa là thật cho nên năng sinh tuệ như thật. Thật tuệ: trên ba chu nói pháp sinh Ba thừa tin hiểu thọ ký thành Phật, nay sẽ nói công đức như thật. Công đức như thật nghĩa là thọ trì, đọc tụng, viết chép, giải thích. Như nói tu hành sinh phước như thật khó có thể sánh lường, tin pháp như thật thì được phước không lỗi, chê bai pháp như thật thì mắc tội rất lớn. Nay muốn chỉ bày tội phước như thật cho chúng sinh nên nói kinh này.

2) Chư Phật nói pháp có hai môn: a) môn Trực thuyết. b) môn Xưng tán. Ở trên ba chu nói pháp gọi là môn trực thuyết, nay khen ngợi kinh lược, kinh tụng gọi là môn xưng tán.

3) Lại có hai môn: a) môn Nhất thừa thể. b) môn Nhất thừa công dụng. Môn Thừa thể: trên đã nói rồi, nay muốn nói môn thừa công dụng nên nói kinh này. môn Thừa dụng: là năng sinh phước tuệ.

4) Lại có hai môn: a) môn Sanh tuệ. b) môn Sanh tín. Trên ba chu nói đã sinh tuệ môn, còn lại những người chưa tin nay dự nghe công đức kinh khiến sinh tín tâm gọi là môn sinh tín.

5) Lại có hai môn: a) môn Tự hành. b) môn Hóa tha. Trên ba chu nói pháp khiến Ba căn ngộ giải nên gọi là môn tự hành, nay truyền hóa cho người chưa nghe gọi là môn hóa tha.

6) Lại có hai môn: a) môn Thọ ân. b) môn Báo ân. Trên ngộ giải là môn thọ ân, nay người được ngộ truyền dạy cho người chưa ngộ, giúp Phật mở mang giáo hóa gọi là môn báo ân.

7) Lại có hai môn: a) môn Chánh thuyết. b) môn Lưu thông. Trên là môn chánh thuyết nay chỉ bày phương pháp mở rộng ý kinh gọi là môn lưu thông, giải thích phẩm Pháp sư này bao gồm giải thích các phẩm, nói về việc công đức môn lưu thông.

Lại nữa, muốn nói lên thân Như lai thân Phương Tiện, là chân thật cho nên nói kinh này.

Hỏi: Thế nào là thân Phương Tiện, là chân thật ư?

Đáp:

1) Dùng pháp thân làm chân thật, tích thân làm Phương Tiện, chỉ vì hai thân bản tích gồm có bốn thứ: a) Sanh diệt làm tích thân, b) vô sinh diệt làm bản thân như Phật Đa Bảo tuy diệt mà bất diệt. c) nói lên Đức Thích-ca tuy san mà bất sinh, bất sinh bất diệt gọi là bản thân. d) Bất sinh thị hiện sinh, bất diệt thị hiện diệt gọi là tích thân.

2) Nói lên bản một mà tích nhiều. Như nhóm họp phân thân Chư Phật mười phương, muốn nói đức Thích ca làm bản Chư Phật làm tích, vì sao? Vì Chư Phật bình đẳng chỉ là tích, đều dùng thân mình làm bản. Phải biết đức Thích ca và Chư Phật đều là tích, chẳng phải đức Thích-ca, chẳng phải Chư Phật mà chính là một bản thống nhất, cho nên nói bản một mà tích nhiều

3) Nêu Đức Thích-ca và phân thân: đây y cứ một Đức Phật nói về nghĩa bản tích, như một pháp thân Phật làm bản mà hiện bày tất cả tích.

4) Vì Đức Đa Bảo và Thích-ca ngồi tòa là muốn tiêu biểu Chư Phật mười phương đồng một pháp thân, vì đồng một pháp thân cho nên hiện bày tất cả tích.

Luận Nhiếp Đại thừa nói hai thứ bình đẳng:

1) Bình đẳng chung: như một pháp thân Phật làm bản, bày tất cả tích.

2) Bình đẳng chung: nghĩa là Chư Phật mười phương đồng một pháp thân từ đó mà ra. Hoặc chỉ chấp riêng trước chung, hoặc chỉ chấp chung trước riêng, đều chẳng phải ý luận. Sau thấy luận Pháp Hoa nói thị hiện là nói lên sự bình đẳng, cho nên Đa Bảo Như lai đã nhập Niết-bàn lại thị hiện thân, đây là nói lên tự thân, tha thân, pháp thân, Phật tánh bình đẳng, chứng minh nghĩa thứ tư và nghĩa thứ nhất trong bốn nghĩa.

Hỏi: Nếu phẩm này nói đủ nghĩa bốn loại bản tích, phẩm Thọ Lượng làm sao nói được ư!

Đáp: Phật bỏ bản tích gồm có hai môn:

- 1) Thần thông luân môn.
- 2) Nói pháp luân môn.

Thần thông luân bỏ bản tích: Từ phẩm Hiện tháp báu đến phẩm Tùng địa dũng xuất, hiện có mười một thứ thần thông để bỏ bản tích:

- 1) Từ trong tháp vọt ra là tiêu biểu nghĩa Phật còn.
- 2) Trú hư không là tiêu biểu ẩn hiển không ngăn ngại.
- 3) Phát ra âm thanh, hoặc cho rằng ở trong tháp ấy mà thôi chưa đủ để tiêu biểu nghĩa vẫn còn cho nên phải phát ra âm thanh.
- 4) Tuy là có âm thanh kín đáo vô hình sợ chẳng phải âm thanh của Phật, cho nên mở Pháp cho thấy thân trong đó.

5) Chia tòa cùng ngồi: là muốn bình đẳng, nghĩa sinh diệt bình đẳng, đến bình đẳng. Nay nói diệt ở Song Thọ là tích chẳng phải chân, nay bình đẳng đến, là nói sinh trong cung vua quyền mà chẳng thật.

6) Nhóm họp Phật là nói bản một mà tích nhiều.

7) Biến cõi: tích thân đã chẳng phải thật thân, cõi tích cũng chẳng phải cõi thật. Đức Thích ca và hóa Phật là tích thân, biệt có chung bản một, hai cõi tịnh uest đều là cõi tích chẳng phải chỗ pháp thân nghỉ ngơi, chỗ riêng của pháp thân là cõi bậc nhất nghĩa Trung đạo.

8) Kế là chúng lên giữa hư không là tiêu biểu hư tâm trống rỗng bèn thấy pháp thân.

9) Phát tích Điều-đạt, để tiêu biểu thân một tượng sáu là quyền, Điều-đạt chẳng ác thị hiện ác, giống như Thích-ca bất sinh mà hiện sinh.

10) Nói lên Long nữ thành Phật, xưa thân nữ không thể hiện thân thành Phật, nay có thể thành Phật tức là xưa nói thân Như lai chẳng thường trụ nay mới nói thân Phật là thường.

11) Nói địa Bồ-tát ở phương dưới che phủ không hiện ra, phân chia mới nói lên, giáo xưa che phủ nên chưa nói lên pháp thân, nay giáo mới khai cho nên được rõ ràng. Mười một thứ này đều là môn thần thông để khai mở bản tích.

Từ Đức Di-lặc hỏi đức Thích-ca đáp là căn cứ nói pháp luân để bỏ bản tích.

Hỏi: Đoạn đầu bỏ ba bày một, nói giáo quyền thật, vì sao chỉ căn cứ nói pháp luân, nay căn cứ thần thông luân?

Đáp: Giáo quyền thật chỉ là nói pháp luân, bản tích của thân thuộc thần thông luân, nên môn sau căn cứ thần thông luân. Cho nên, đoạn văn dưới nói: “nay Ông lắng nghe! Như lai dùng sức thần thông bí mật. Lại nói: sức thần thông như vậy là do trải qua a-tăng-kỳ kiếp tu hành mà có được. Lại như Đại kinh khai pháp thân bí mật nêu rộng thần thông, bỏ bát-nhã thậm nói thuyết pháp, nay cũng như vậy. Lại trước hiện thần thông tức là mật bỏ bản tích, sau nói pháp thân tức là hiển bỏ bản tích. Phải trước mật khai sau mới được hiển khai. Lại, mật bỏ bản tích sinh lòng tin cho chúng sinh, hiển bỏ bản tích sinh sự hiểu biết cho chúng sinh.

Hỏi: Nói về bản tích thân vì sao căn cứ đủ hai luân và hiển mật ư?

Đáp: do quả đức sâu xa dứt bật nhân vị cảnh giới nên căn cứ hai nghĩa.

Lại trước bỏ ba bày một trong đó cũng có hiển mật, nói rộng là hiển, nói lược là mật. Lại trước hiện tháp tuy biểu thị pháp thân là thường mà chưa nói là mới chứng pháp thân hay chứng từ lâu. Cho nên,

phẩm Thọ Lượng nói rộng nghĩa gần xa, Nói từ vô lượng lâu xa đã chứng pháp thân. Lại trước bỏ ba bày một trong đó cũng có chung riêng. Ban đầu nói chung hai trí của Chư Phật, kế nói riêng hai trí, nay bỏ gần, bày xa cũng đủ hai nghĩa chung riêng. Phẩm Hiện Thập bát nói chung bản tích Chư Phật, Phẩm Thọ Lượng nói riêng hai thân của đức Thích-ca. Lại ở trước nói thẳng pháp thân, phẩm sau giải thích rộng các nghi ngờ. Lại trước chỉ nói pháp thân chưa nói về dụng lợi ích chúng sinh ba đời, phẩm sau nói rộng nghĩa lợi ích chúng sinh. Lại Chư Phật tùy theo thể tục gồm có hai thứ. 1) Thân. 2) Mạng. Trước nêu pháp thân thường trụ, sau nêu tuổi thọ đồng thái hư. Lại trước nói vô sinh diệt, sau nói vô tử chung. Vô thủy chung: A-dật-đa không thấy tử kia, bậc Bồ xứ đầu lượng được chung kia. Đây là trình bày chung phẩm Thập bát và phẩm Thọ Lượng xong.

Về sau thấy luận nói ba thân đầy đủ, lẽ nào chẳng phải là nói căn cứ rõ ràng của thường ư! Lại nữa muốn nói công hạnh quan trọng của Bồ-tát nên nói kinh này.

Hỏi: vì sao nói hạnh Bồ-tát, hạnh Bồ-tát có bao nhiêu thứ?

Đáp: Bồ-tát có bốn hạnh quan trọng như trước đã nói.

Hỏi: Vì sao nói Hạnh Bồ-tát?

Đáp:

1) Ở trên dùng ba châu bỏ quyền bày thật, phá chấp Ba thừa tức là phát tâm Bồ-đề, phát tâm Bồ-đề rồi nên tu Hạnh Bồ-tát. Như đồng tử Thiện tài trong Hoa Nghiêm, ở mỗi chỗ tri thức đều nói: Tôi trước đã phát tâm Bồ-đề mà chưa biết làm sao tu Hạnh Bồ-tát, học đạo Bồ-tát. Cho nên kế phát tâm tức là nói về tu hành.

2) Nói Hạnh Bồ-tát tức là nói kinh Pháp Hoa, kinh Pháp Hoa nói về Nhất thừa, Nhất thừa tức Hạnh Bồ-tát nên căn cứ Hạnh Bồ-tát để nói về Nhất thừa. Cho nên, Kinh này nói: “là pháp giáo hóa Bồ-tát được Phật che chở.”

3) Trên đây tự nói và chứng nói đã xong, muốn chỉ bày phương pháp mở rộng ý kinh, phương pháp tức là bốn hạnh, cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

4) Vì ngăn dứt mọi người nghe trên bỏ quyền bày thật, nêu một rõ ba, liền nói có ba, một có khai có hợp. Cho nên, nay nói Hạnh Bồ-tát thật tướng các pháp, không có thượng, trung, hạ, chẳng phải một chẳng phải ba, chẳng khai chẳng hợp, ba một khai, hợp đều là Phương Tiện hóa vật, cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

5) Có người muốn cầu Phật đạo, lo sợ sinh tử, gặp nhiều hoạn nạn,

thoái tâm Bồ-đề, ngưng các hành dứt, nay vì người này nên nói Bồ-tát có bốn hạnh khiến thân tâm an vui, người kia nghe rồi vững tâm không lui sụt cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

6) Muốn phát khởi quả Như lai thọ mạng cho nên nói Hạnh Bồ-tát. Phẩm dưới nói Như lai có quả bất khả tư nghì, như gọi là sinh diệt tự tại vô ngại. Như quả mâu nhiệm này là do nhân mâu nhiệm, vậy nên nay nói Hạnh Bồ-tát tức là nhân mâu nhiệm. Phẩm An Lạc Hạnh đã xong.

Lại nữa muốn nói rộng trí tuệ công đức của các Bồ-tát, thuyết giảng thông suốt pháp này ủng hộ chúng sinh nên nói kinh này. Như nói công đức trí tuệ của các vị như Dược Vương, Diệu Âm, Quán Âm cho đến Phổ Hiền.

Hỏi: Vì sao nói công đức trí tuệ của các Bồ-tát ư?

Đáp:

1) Nhất thừa có hai thứ: a) Sở thừa của Chư Phật đại nhân cho nên gọi là Đại thừa. b) Là chỗ nương vững chắc của các Đại Bồ-tát cho nên gọi Đại thừa. Như luận Thập Nhị Môn chép: ở trên nói tuổi thọ của Như lai và tri kiến Phật v.v... là năng thừa sở thừa của Chư Phật đại nhân, nay muốn nói sở thừa vững chắc của các đại Bồ-tát cho nên gọi là Đại thừa.

2) Nói công đức trí tuệ không thể nghĩ bàn của các Bồ-tát khiến cho người Nhị thừa sinh tâm rất hổ thẹn bỏ tông kia, thì khiến cho người chưa phát tâm Nhị thừa không còn phát tâm, cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

3) Phạm phu Nhị thừa đã phát tâm Bồ-đề tu Hạnh Bồ-tát, đã tu Hạnh Bồ-tát nên giải hạnh tăng tiến cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

4) Kinh Tịnh Danh nói: hoặc dùng Chư Phật mà hóa Phật sự hoặc dùng Bồ-tát làm Phật sự, Phật sự, khác nhau được ngộ nhiều cách. Trên đây là nói Đức Phật thành Phật sự đã rồi, nay muốn nói Bồ-tát thành Phật sự cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

5) Muốn khen ngợi công lực kinh này cho nên nói Hạnh Bồ-tát, còn đại Bồ-tát có công đức trí tuệ không thể nghĩ bàn đều do Pháp Hoa thành tựu, nếu muốn được công đức như thế thì phải tu hành kinh Pháp Hoa.

6) Muốn mở kho bí mật cho nên nói kinh này, trong pháp Thanh văn nói các Bồ-tát cho đến Nhất sinh Bồ xứ, Bồ-tát còn là phạm phu chưa dứt phiền não, nay nói trong pháp Đại thừa các Bồ-tát đặc vô sinh nhĩ, phiền não thanh tịnh có sáu thân thông, vượt lên tất cả Thanh văn Bích-chi-phật, khiến cho các Phương Tiện phân thân trong sáu đường,

lợi ích chúng sinh cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

7) Muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh đời vị lai khiến được thọ trì kinh Pháp Hoa khiến không gặp nạn. Phật tuy cách thế gian nhưng các vị Bồ-tát thường ở thế gian làm lợi ích cho tất cả, muốn cầu thỉnh ủng hộ không nguyện nào không theo, cho nên nói Hạnh Bồ-tát. Đây là giải thích chung các phẩm Dược Vương v.v...

Về sau thấy luận chép: Muốn nói năng lực ủng hộ các nạn cho chúng sinh nên nói các phẩm Quán Âm, Đà-la-ni, v.v... Vì thị hiện công đức lực cho nên nói phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương. Nương công đức quá khứ, đồng tử kia có sức lực như vậy cho nên hộ pháp thân, cho nên nói phẩm Phổ Hiền Bồ-tát. Ở đây giải thích hơi giống với nay. Như vậy, xét ý trong các phẩm nên nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Thích luận quyển một trăm chép: “Kinh Pháp Hoa vô lượng vô biên như số giọt nước trong biển lớn, do văn vô lượng nên nghĩa cũng vô lượng,” Cho nên, nói kinh Pháp Hoa, nhân kinh cũng lại vô lượng, nay chỉ nói lược.

Hỏi: vì sao không thứ lớp nói hai mươi tám phẩm ư?

Đáp giải thích văn kinh, lưu nói chung theo thứ lớp, nay chỉ trình bày tông chỉ quan trọng.

Hỏi: Y theo luận nào mà nói như thế?

Đáp: Y theo luận Đại Trí độ mà nói, xét ý trong các phẩm cho nên nói nhân duyên Bát-nhã, nay lại nương, ý luận cho nên giải thích như thế. Thích luận là phép tắc giải thích kinh, muốn giải thích kinh Đại thừa thì phải hiểu rõ.

